

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, ấp Thuận An A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

SĐT: (075) 3 822 857

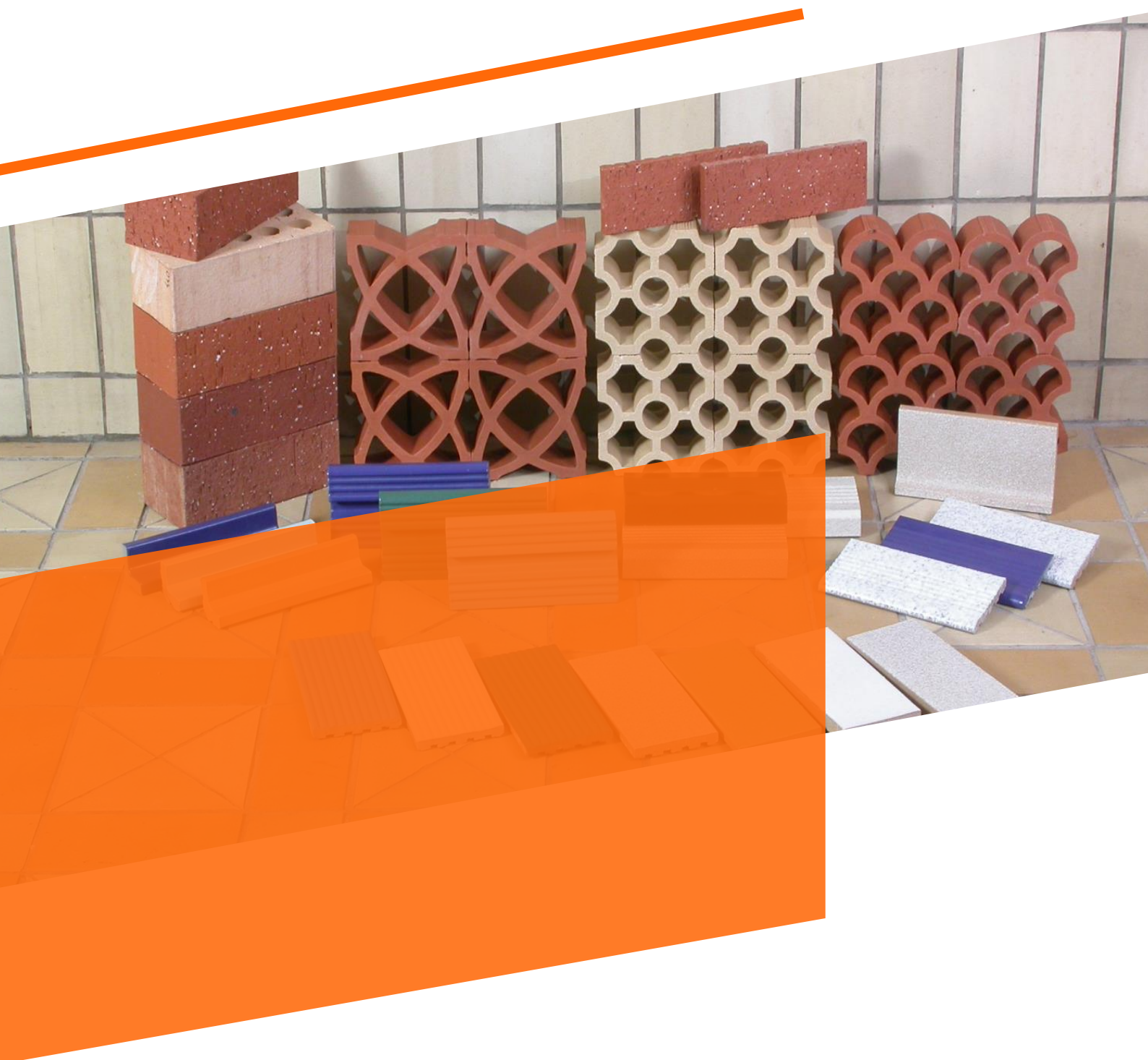
Fax: (075) 3822 919

Website: www.vlxdbentre.com





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE



Bến Tre, tháng 4 năm 2017

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016**

MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành & phát triển

Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình sản xuất kinh doanh

Tình hình đầu tư dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông

Báo cáo phát triển bền vững

03

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Về kết quả hoạt động kinh doanh

Về tình hình tài chính

Về những cải cách trong năm

Kế hoạch năm 2017

Về trách nhiệm đối với môi trường
và xã hội

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về các mặt hoạt động

Về hoạt động của Ban Giám đốc

Kế hoạch & định hướng

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Thù lao và các giao dịch

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán 2016

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành & phát triển

Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro



Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300108704 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 01/09/2004 thay đổi lần thứ 12 ngày 17/01/2014.
- Vốn điều lệ: 40.490.060.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 40.490.060.000 đồng.
- Địa chỉ: 12, Đường số 1, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
- Số điện thoại: (075) 3 829 857 – (075) 3 822 319
- Số fax: (075) 3 822 319
- Website: www.vlxd bentre.com
- Mã cổ phiếu: **VXB**



Quá trình hình thành & phát triển

1978

Công ty Vật liệu xây dựng Bến Tre là doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo quyết định số 30/TC - CQ ngày 17/01/1978 của UBND tỉnh Bến Tre.

1996

Công ty mở rộng hoạt động sang lĩnh vực khai thác cát.

2004

Công ty Vật liệu xây dựng Bến Tre tiến hành cổ phần hóa với vốn điều lệ 5 tỷ đồng theo QĐ 1852/2004/QĐ-UB ngày 24/5/2004 của UBND tỉnh Bến Tre.

Công ty Vật liệu xây dựng Bến Tre được thành lập lại theo quyết định số 994/QĐ - UB ngày 01/12/1992 của UBND tỉnh Bến Tre

1992

Công ty tiến hành sáp nhập Xí nghiệp Sản xuất Vật liệu xây dựng theo quyết định số 3150/QĐ -UB ngày 17/12/1999 của UBND tỉnh Bến Tre.

2000

2005

Công ty đầu tư xây dựng xưởng sản xuất tole và xà gỗ thép.

2007

Công ty nâng vốn điều lệ lên 19.751.250.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

2010

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu VXB.

Công ty tăng vốn điều lệ lên 17.250.000.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu

2006

Công ty nâng vốn điều lệ lên 40.490.660.000 đồng thông qua phát hành chào bán ra công chúng

2009

Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và các mặt hàng trang trí nội thất ;
- Khai thác cát sông ;
- Thi công xây dựng, san lấp mặt bằng ;
- Vận tải hàng hóa ;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các công trình dân dụng, công nghiệp ;



Địa bàn kinh doanh

Cung cấp vật liệu xây dựng, xây dựng công trình và kinh doanh các lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh Bến Tre và các vùng lân cận.



Xưởng sản xuất Tole – Xà gỗ

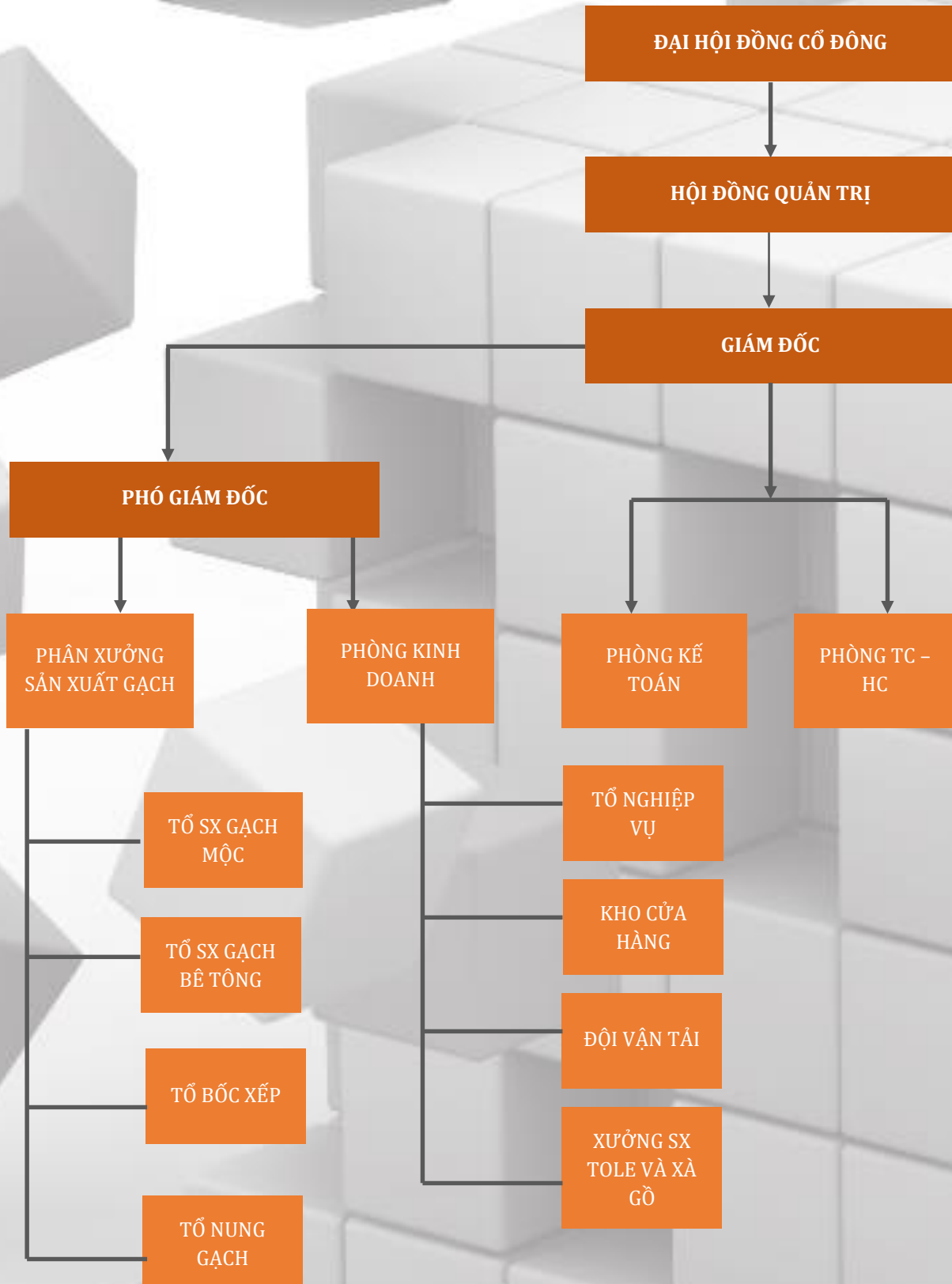
Cửa hàng trang trí nội thất

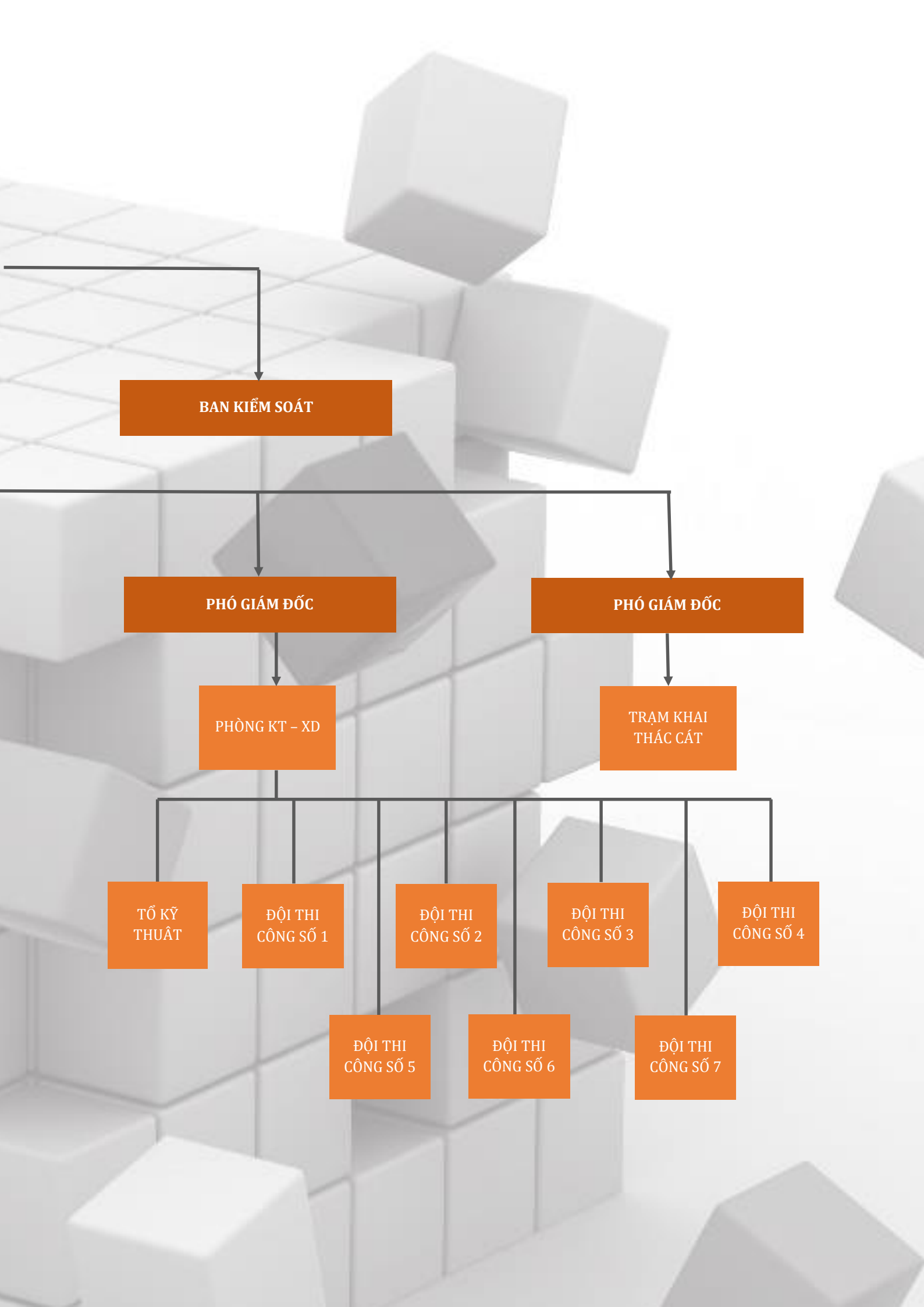


Các thành tích Công ty đã đạt

- Huân chương Lao động Hạng Ba năm 1996
- Huân chương Lao động Hạng Hai năm 2002
- Chính Phủ tặng cờ thi đua hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ, dẫn đầu phong trào thi đua lao động sản xuất và công tác của tỉnh Bến Tre năm 2003
- Huân chương Lao động Hạng Nhất năm 2008

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức





Định hướng phát triển

Giá trị cốt lõi:

- Đồng tâm hiệp lực;
- Cần trọng vững vàng;
- Phát triển cộng đồng;
- Hướng tới tương lai

Sứ mệnh:

- Cung cấp những sản phẩm chất lượng, giá cả hợp lý, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường.
- Xây dựng các công trình trọng điểm tại địa phương, góp phần cải thiện và mang lại tầm vóc mới cho tỉnh Bến Tre.
- Thực hiện liên doanh, liên kết để phát triển thị trường ra khu vực, tăng doanh thu, tạo điều kiện tăng cường lợi nhuận, mang lại giá trị cho cổ đông.

Tầm nhìn:

- Trở thành doanh nghiệp có qui mô, doanh thu hàng đầu tại Bến Tre và vùng phụ cận trong ngành vật liệu xây dựng.
- Bước đầu trở thành nhà phân phối chiến lược của các mặt hàng sơn, ống nhựa để tạo đà là nhà phân phối của các mặt hàng có liên quan đến ngành vật liệu xây dựng.
- Đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, tạo nền tảng tăng trưởng bền vững trong tương lai.
- Nắm bắt thời cơ, đầu tư mở rộng hoạt động sang các ngành nghề khác có liên quan đến lĩnh vực vật liệu xây dựng và thi công xây dựng.



Các mục tiêu chủ yếu

- Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trong địa bàn tỉnh Bến Tre và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.
- Phát triển sản xuất kinh doanh, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận của Công ty, tạo niềm tin cho cổ đông hiện hữu để làm tiền đề thu hút vốn đầu tư của cổ đông mới.
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm, bảo vệ thương hiệu, uy tín của Công ty trong tỉnh, hướng đến mở rộng kinh doanh ra thị trường khu vực các tỉnh phụ cận.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Thực hiện hiệu quả việc cung cấp vật tư cho các công trình trọng điểm trong địa bàn tỉnh Bến Tre nhằm củng cố thương hiệu của Công ty, tạo được uy tín với địa phương.
- Mở rộng địa bàn ra các tỉnh lân cận. Chính sách sản phẩm chất lượng là chiến lược then chốt và chủ đạo của Công ty.
- Nghiên cứu, phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh mới phù hợp với năng lực nội tại nhằm mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao tầm vóc Công ty.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua các đợt tập huấn, đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng mềm khác.
- Chuẩn hóa quy trình làm việc trong Công ty để nâng cao trách nhiệm của từng bộ phận và tinh thần hợp tác giữa các bộ phận với nhau.
- Thu hút vốn đầu tư vào cơ sở vật chất kỹ thuật.
- Ứng dụng hệ thống thông tin quản lý vào thực tiễn của doanh nghiệp.

Các mục tiêu phát triển bền vững

- Kiểm soát chặt chẽ đầu vào lẫn đầu ra của các sản phẩm có yếu tố gây hại đến sức khỏe con người. Quản lý thi công công trình không để xảy ra trường hợp thất thoát nguyên vật liệu, phế phẩm ra môi trường.
- Đảm bảo không gây tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe người lao động. Biện pháp được đưa ra là nghiên cứu đầu tư trang thiết bị nhằm hạn chế tối đa các chất thải độc hại trong quá trình sản xuất.
- Đảm bảo an toàn cho hàng hóa và con người bằng việc chú trọng thực hiện tốt công tác Phòng cháy chữa cháy, An toàn vệ sinh lao động.
- Tích cực cùng Đoàn Thanh niên phát động và thực hiện tốt các phong trào bảo vệ môi trường, nhất là đảm bảo tốt môi trường làm việc cho người lao động.
- Chính sách lương, thưởng, chăm sóc sức khỏe, đời sống của người lao động được xây dựng thành bộ quy chế nhằm có sự minh bạch, đảm bảo tính công bằng và tạo được sự gắn bó giữa Công ty với người lao động.
- Đặt mục tiêu tham gia đầy đủ các chương trình xã hội do địa phương phát động và thực hiện.



Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Ngành sản xuất vật liệu xây dựng là một trong những ngành chịu nhiều tác động trực tiếp từ yếu tố vĩ mô. Chính vì thế, sự ổn định của nền kinh tế là điều kiện quan trọng đối với sự phát triển của các doanh nghiệp ngành vật liệu xây dựng nói chung và Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre nói riêng.

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, thị trường tài chính có nhiều biến động, giá dầu thô giảm mạnh,... nền kinh tế Việt Nam vẫn tương đối ổn định với tỷ lệ lạm phát thấp, chính sách tỷ giá và lãi suất được điều hành hợp lý. Dù mức tăng của Tổng sản phẩm quốc nội GDP chỉ đạt khoảng 6,21%, thấp hơn năm 2015 và không đạt kế hoạch, nhưng ngành Xây dựng ghi nhận mức tăng 10%, trở thành một nhân tố thúc đẩy sự phát triển ngành sản xuất vật liệu xây dựng.

Tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam được dự báo tiếp tục tăng trưởng ổn định trong năm 2017, tạo môi trường thuận lợi cho ngành sản xuất vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, Công ty vẫn sẽ luôn theo sát những chuyển biến của nền kinh tế Thế giới và Việt Nam để có thể kịp thời ứng phó với rủi ro.

Rủi ro pháp luật

Là một Công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh từ hệ thống luật và văn bản dưới luật có liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường... Trong thời gian tới, hệ thống pháp luật Việt Nam sẽ có những sự điều chỉnh hướng đến sự chặt chẽ và cụ thể, nhằm mục đích mang lại một môi trường đầu tư minh bạch, công bằng, đáp ứng quá trình hội nhập với khu vực và thế giới. Công ty luôn theo dõi và cập nhật những sự thay đổi này để thực hiện đúng quy định của pháp luật



Rủi ro đặc thù ngành

Trong thời gian tới, khi Luật Nhà ở (sửa đổi năm 2014) tạo điều kiện cho người nước ngoài sở hữu nhà tại Việt Nam, thị trường Bất động sản được dự báo đầy tiềm năng phát triển, nhu cầu về vật liệu xây dựng sẽ tăng cao, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng, trong đó có VXB. Trước thực tế này, Công ty có những chính sách nhằm tối ưu hóa quá trình quản trị hàng tồn kho, để đảm bảo lợi nhuận kinh doanh.

Công ty còn gặp nhiều khó khăn bởi sức ép cạnh tranh trong ngành vật liệu xây dựng khá lớn. Chính sách hội nhập của Việt Nam những năm gần đây tạo điều kiện cho doanh nghiệp nước ngoài thâm nhập vào thị trường vật liệu xây dựng. Những doanh nghiệp này với lợi thế về vốn và công nghệ, tạo ra những sản phẩm giá rẻ hơn, ảnh hưởng thị phần của các công ty vật liệu xây dựng trong nước nói chung và VXB nói riêng.

Rủi ro về môi trường

Hoạt động khai thác cát sông tiềm ẩn nguy cơ gây sạt lở, làm đục nước sông gây ảnh hưởng đến điều kiện sống của dân cư và sinh vật ven sông. Để đảm bảo hoạt động kinh doanh gắn liền với trách nhiệm xã hội và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Công ty luôn tuân thủ đúng quy định về quy trình và sản lượng khai thác cát.

Hoạt động của các lò nung gạch tạo ra một lượng khói thải ra môi trường xung quanh, gây ảnh hưởng đến môi trường không khí. Trong thời gian tới, Công ty có kế hoạch đầu tư chuyển đổi dây chuyền và công nghệ sản xuất gạch không nung để thay thế cho hoạt động sản xuất gạch nung truyền thống nhằm giảm thiểu tác động trong quá trình sản xuất của Công ty đến môi trường.

Rủi ro khác

Ngoài những trường hợp kể trên, Công ty có khả năng sẽ phải đối mặt với những rủi ro khác như hỏa hoạn, thiên tai, cháy nổ... Những rủi ro này có thể đem lại thiệt hại vô cùng lớn cho Công ty. Do đó, VXB chủ động phòng tránh bằng các biện pháp bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho người lao động, trang bị kiến thức về Phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên...



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình sản xuất kinh doanh

Tình hình đầu tư dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông

Báo cáo phát triển bền vững



Tình hình sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016

Tình hình sản xuất trong năm

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2015	TH 2016	TH2015/TH2016
Doanh thu thuần	Triệu đồng	206.467	213.588	103,45%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.837	6.296	107,86%

Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2016	TH 2016	TH2016/KH2016
Doanh thu thuần	Triệu đồng	225.060	213.588	94,90%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.480	6.296	97,16%

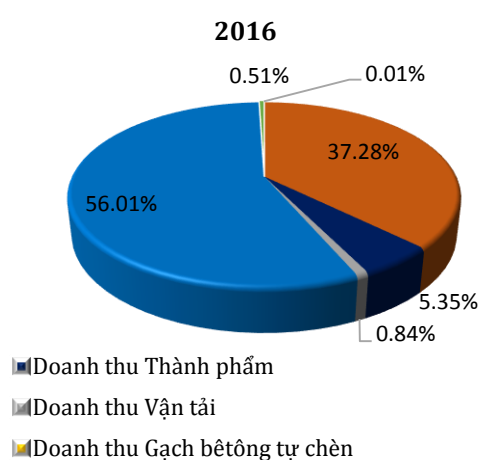
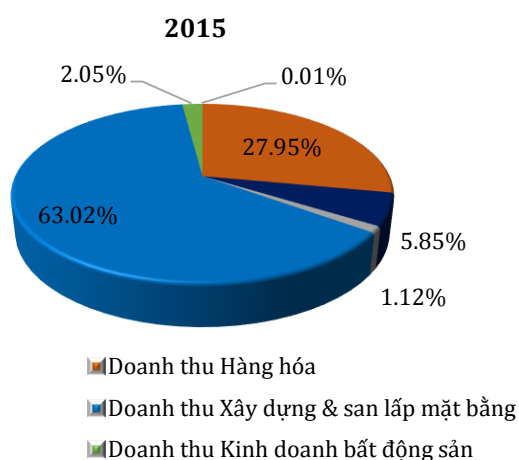
Năm 2016 được đánh giá là năm khá khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo kịp thời của Ban Lãnh đạo Công ty cùng với nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, kết thúc năm 2016, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ghi nhận kết quả khá tích cực. Công ty đạt được 213,59 tỷ đồng doanh thu thuần, cao hơn 3,45% so với năm 2015. Lợi nhuận sau thuế tăng 7,86%, đạt 6,30 tỷ đồng.

So sánh với kế hoạch năm 2016, Doanh thu thuần thực hiện đạt 94,90% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế tương đương 97,16% so với kế hoạch.



Cơ cấu doanh thu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015		Năm 2016		2016/2015
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu Hàng hóa	Triệu đồng	57.707	27,95%	79.631	37,28%	137,99%
Doanh thu Thành phẩm	Triệu đồng	12.080	5,85%	11.417	5,35%	94,50%
Doanh thu Vận tải	Triệu đồng	2.315	1,12%	1.785	0,84%	77,11%
Doanh thu Xây dựng & san lấp mặt bằng	Triệu đồng	130.112	63,02%	119.638	56,01%	91,95%
Doanh thu Kinh doanh bất động sản	Triệu đồng	4.241	2,05%	1.100	0,51%	25,93%
Doanh thu Gạch bê tông tự chèn	Triệu đồng	11	0,01%	15	0,01%	133,80%
Doanh thu khác	Triệu đồng	-	-	2	-	-
Tổng cộng	Triệu đồng	206.467	100%	213.588	100%	103,45%



Các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng và san lấp mặt bằng. Trong đó, lĩnh vực xây dựng được xác định là lĩnh vực chủ lực của Công ty với doanh thu gần như luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu. Doanh thu từ xây dựng và san lấp mặt bằng đạt 119,64 tỷ đồng năm 2016, tương đương 91,95% năm 2015. Trong khi đó, doanh thu từ việc kinh doanh vật liệu xây dựng tăng 37,99%, đạt mức 79,63 tỷ đồng trong năm 2016. Tỷ trọng của lĩnh vực này cũng được nâng lên 37,28%/doanh thu thuần. Đây là nguồn động lực chính thúc đẩy gia tăng doanh thu trong năm 2016 của Công ty đạt 213,59 tỷ đồng, tăng 3,45%.



Tình hình kinh doanh lĩnh vực chính của Công ty trong năm 2016**Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng**

Năm 2016, lĩnh vực hoạt động này thể hiện hiệu quả kinh doanh khá cao với doanh thu 79,63 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 2,3 tỷ đồng – tăng 3,7 lần so với cùng kỳ và tăng 2,8 lần so với kế hoạch năm 2016. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng cũng hỗ trợ tốt cho lĩnh vực xây dựng khi đảm bảo cung cấp kịp thời, đúng loại mặt hàng, đủ số lượng nhằm đáp ứng tiến độ thi công các công trình.

Hoạt động thi công san lấp, xây dựng

Doanh thu thực hiện đạt 119,64 tỷ đồng - bằng 91,95% so với thực hiện cùng kỳ, bằng 84,25% so với kế hoạch năm 2016;

Số lượng công trình quyết toán là 29 công trình - bằng 71% so với thực hiện 2015. Phần quyết toán của năm 2016 chuyển sang thực hiện tăng 2% so với kế hoạch (95 tỷ đồng so với 93,1 tỷ đồng), tuy nhiên phần quyết toán dự kiến phát sinh chuyển sang chỉ thực hiện đạt 50% so với kế hoạch (24,6 tỷ đồng so với 49 tỷ đồng).

Hoạt động khai thác cát

Kết quả của hoạt động này trong năm qua rất khả quan khi doanh thu đạt 8,42 tỷ đồng, bằng 84,46% so với năm 2015, bằng 93,62% so với kế hoạch năm 2016 và lợi nhuận trước thuế thực hiện được 1,46 tỷ đồng - tăng 1,45 lần so với thực hiện cùng kỳ, tăng 1,57 lần so với kế hoạch năm 2016.

Hoạt động đầu tư dự án Khu tái định cư Mỹ Thạnh An

Đến 31/12/2016, chỉ còn hạng mục xây dựng chợ và trạm xử lý nước thải do nhiều nguyên nhân khách quan chưa thể triển khai xây dựng trong năm 2016. Diện tích đất còn lại dự kiến xây dựng chợ và trạm xử lý nước thải: 2.283,1 m², trong đó đất dự kiến xây dựng chợ là 1.816,5 m², trạm xử lý nước thải là 466,6 m².

Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng

Hoạt động sản xuất gạch nung: Sản lượng sản xuất là 1.081.160 viên (trong đó sử dụng nội bộ là 365.222 viên). Doanh thu đạt 592,93 triệu đồng.

Hoạt động sản xuất gạch bê tông (terrazzo và bê tông tự chèn): Sản lượng sản xuất là 24.897 m² (trong đó sử dụng nội bộ là 9.953 m²). Doanh thu đạt 1,98 tỷ đồng.

Hoạt động sản xuất tole và xà gồ: Sản lượng sản xuất là 17.646 m (trong đó sử dụng nội bộ là 12.127 m). Doanh thu đạt 385,78 triệu đồng.

Hoạt động vận tải

Hoạt động vận tải đã thực hiện tốt chức năng luân chuyển hàng hóa hỗ trợ hoạt động kinh doanh và vận chuyển vật tư, thiết bị hỗ trợ công tác thi công xây dựng của Công ty.

Năm 2016, lĩnh vực này mang về doanh thu 1,78 tỷ đồng, tương đương 77,11% so với doanh thu năm 2015 và đạt 71,39% so với kế hoạch.



TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Phan Quốc Thông	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
2	Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc
3	Ông Nguyễn Hoài Yên	Phó Giám đốc
4	Ông Lê Quốc Cường	Phó Giám đốc
5	Ông Phan Tấn Mỹ	Kế toán trưởng



Lý lịch Ban Điều hành

Ông Phan Quốc Thông – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Ngày tháng năm sinh 22/04/1965

Quá trình công tác

Từ 1988 – 1996	Nhân viên Công ty Vật liệu xây dựng Bến Tre
Từ 1996 – 1997	Phó phòng kinh doanh Công ty Vật liệu xây dựng Bến Tre
Từ 1997 – 2000	Trưởng phòng kinh doanh Công ty Vật liệu xây dựng Bến Tre
Từ 2000 – 2004	Phó Giám đốc Công ty Vật liệu xây dựng Bến Tre
Từ 2004 – 4/2013	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Vật liệu xây dựng Bến Tre
Từ 5/2013 – nay	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc CTCP Vật liệu xây dựng Bến Tre
Tổng số cổ phần sở hữu	755.896 cổ phần, chiếm 18,67% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	688.331 cổ phần
Sở hữu cá nhân	67.565 cổ phần



Ông Nguyễn Hoài Yên – Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh 03/04/1975

Quá trình công tác

Từ 1999 – 2000	Nhân viên Công ty Phát triển Nhà Quận 2 – Tp Hồ Chí Minh
Từ 2000 – 2004	Tư vấn giám sát TT Tư vấn Xây dựng Bến Tre (Sở Xây dựng)
Từ 2004 – 2006	Tổ trưởng tổ Giám sát Ban quản lý dự án chuyên ngành xây dựng Bến Tre
Từ 2006 – 5/2013	Trưởng phòng KTXD CTCP Vật liệu xây dựng Bến Tre
Từ 5/2013 – nay	Phó Giám đốc CTCP Vật liệu xây dựng Bến Tre
Tổng số cổ phần sở hữu	3.543 cổ phần, chiếm 0,99% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	0 cổ phần
Sở hữu cá nhân	3.543 cổ phần



Ông Nguyễn Thanh Huy – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh 19/05/1970

Quá trình công tác

Từ 1992 – 1996	Nhân viên Công ty Vật liệu xây dựng Bến Tre
Từ 1996 – 1999	Nhân viên đại lý XMHT2 – Trần Anh Kiến Bến Tre
Từ 1999 – 2000	Nhân viên Công ty Vật liệu xây dựng Bến Tre
Từ 2000 – 2010	Phó phòng Kinh doanh Công ty Vật liệu xây dựng Bến Tre
Từ 2010 – 5/2013	Trưởng đại diện Công ty Kềm Nghĩa tại Bến Tre
Từ 5/2013 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc CTCP Vật liệu xây dựng Bến Tre
Tổng số cổ phần sở hữu	556.984 cổ phần, chiếm 13,76% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	556.984 cổ phần
Sở hữu cá nhân	0 cổ phần



Ông Lê Quốc Cường – Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh 16/04/1976

Quá trình công tác

Từ 1993 – 1998 Nhân viên Công ty Vật liệu xây dựng Bến Tre

Từ 1998 – 2003 Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh

Từ 2003 – 2004 Trạm phó trạm Khai thác cát Công ty Vật liệu xây dựng Bến Tre

Từ 2004 – 5/2013 Trạm phó trạm Khai thác cát CTCP Vật liệu xây dựng Bến Tre

Từ 5/2013 – nay Phó Giám đốc CTCP Vật liệu xây dựng Bến Tre

Tổng số cổ phần sở hữu 39.502 cổ phần, chiếm 1,00% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu 0 cổ phần

Sở hữu cá nhân 39.502 cổ phần



Ông Phan Tấn Mỹ – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh 27/01/1961

Quá trình công tác

Từ 1978 – 1981	Cán bộ đại đội Xí nghiệp Khai Thác đá Tây Ninh – Tổng đội TNXP Bến Tre
Từ 1981 - 1982	Nhân viên Kế toán Ty Giao thông vận tải
Từ 1982 – 1999	Kế toán trưởng Xí nghiệp đóng tàu (sau đổi thành Xí nghiệp Cơ khí Giao thông)
Từ 2004 – 4/2014	Phó Giám đốc CTCP Xây dựng Công trình giao thông Bến Tre
Từ 4/2015 – nay	Kế toán trưởng CTCP Vật liệu xây dựng Bến Tre
Tổng số cổ phần sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	0 cổ phần
Sở hữu cá nhân	0 cổ phần



Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm qua, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre không có sự thay đổi nào trong Ban điều hành.

Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	125	100
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	39	31,20
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	30	24,00
3	Lao động có tay nghề	36	28,80
4	Lao động phổ thông	20	16,00
II	Theo đối tượng lao động	125	100
1	Lao động trực tiếp	58	46,40
2	Lao động gián tiếp	67	53,60
III	Theo giới tính	125	100
1	Nam	107	85,60
2	Nữ	18	14,40
Tổng cộng		125	100

Mức lương bình quân của cán bộ, công nhân viên

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	2016/ 2015
Tổng số lượng cán bộ/ nhân viên	Người	121	125	103,31%
Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	3.987.000	5.200.000	130,42%





Chính sách tuyển dụng, đào tạo.

Công ty ưu tiên tuyển dụng hoặc ký lại hợp đồng với người đã có thời gian làm việc trong Công ty và của người lao động nếu đảm bảo được năng lực phù hợp với yêu cầu công việc. Tùy theo mức độ đóng góp của người lao động, Công ty sẽ hỗ trợ về thời gian hoặc kinh phí để tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng phát triển của Công ty.

Chế độ làm việc:

Công ty thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ngày, 44 giờ/tuần. Đối với các công việc đặc thù, do yêu cầu của tính chất công việc, thời gian làm có thể sắp xếp linh hoạt hơn.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Hàng năm, được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT quyết định chính sách tiền lương căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành cũng như kế hoạch và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động hưởng lương, thưởng theo Quy chế tiền lương và Quy chế thi đua khen thưởng. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi của Công ty đảm bảo cán bộ, công nhân viên tại từng bộ phận khác nhau được hưởng thu nhập tương xứng với công việc họ đảm nhận. Tùy theo bậc lương, thời gian được xét nâng lương của người lao động là mỗi 2-4 năm.

Ngoài ra hàng năm công ty có chính sách khen thưởng trong các dịp lễ tết, tổ chức cho cán bộ nhận viên của công ty tham quan, nghỉ mát, đồng thời có chính sách khen thưởng đối với nhân viên xuất sắc, chính sách thăm nom, chế độ đối với lao động nữ,... và các chế độ phúc lợi khác theo qui định của Bộ luật lao động.

Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng trong công tác đảm bảo an toàn lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên. Công ty trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất và công nhân tại công trường.



Tình hình thực hiện dự án

Dự án Khu tái định cư Phú Tân

Hiện nay, nhu cầu về quỹ đất phục vụ nhu cầu bố trí tái định cư của các dự án phát triển đô thị lớn tại thành phố và tỉnh Bến Tre như: dự án kè Bắc sông Bến Tre, dự án bệnh viện đa khoa 500 giường, dự án nâng cấp đô thị,... là hết sức cấp thiết. Để đáp ứng nhu cầu tái định cư, ổn định nơi ở cho các hộ bị giải tỏa và tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm của Thành phố Bến Tre, đồng thời nhằm tranh thủ thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng xây dựng và các dịch vụ công cộng cho Thành phố Bến Tre, việc xây dựng các khu tái định cư đang trở nên cấp bách và cần thiết.

Dự kiến dự án sẽ được phân kỳ thành 02 giai đoạn, giai đoạn 1 với diện tích là: 54.852 m² nhằm đáp ứng về nhu cầu nhà ở hiện tại cũng như giải quyết được nguồn vốn đầu tư tiếp tục cho giai đoạn 2. Thông tin tổng quan giai đoạn 1 của dự án như sau:

Qui mô dự án:

- Diện tích: 54.852 m².
- Đất xây dựng nhà ở tái định cư: 15.076,26 m².
- Đất xây dựng nhà ở T/mại : 7.406,86 m².
- Đất xây dựng nhà ở biệt thự: 6.684,08 m².
- Đất giao thông : 25.684,78 m²
- Giao thông nội bộ: 19.973,45 m²
- Lô hậu cần tỉnh đội: 5.711,33 m²
- Tổng vốn đầu tư giai đoạn 1: 89 tỷ đồng.

Thời gian: Dự kiến thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành là 5 năm.

Tiến độ dự án: Ngày 08/9/2016 Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre đã phê duyệt điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và được UBND tỉnh Bến Tre cấp Quyết định đầu tư tại Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 10/4/2017

Tình hình tài chính

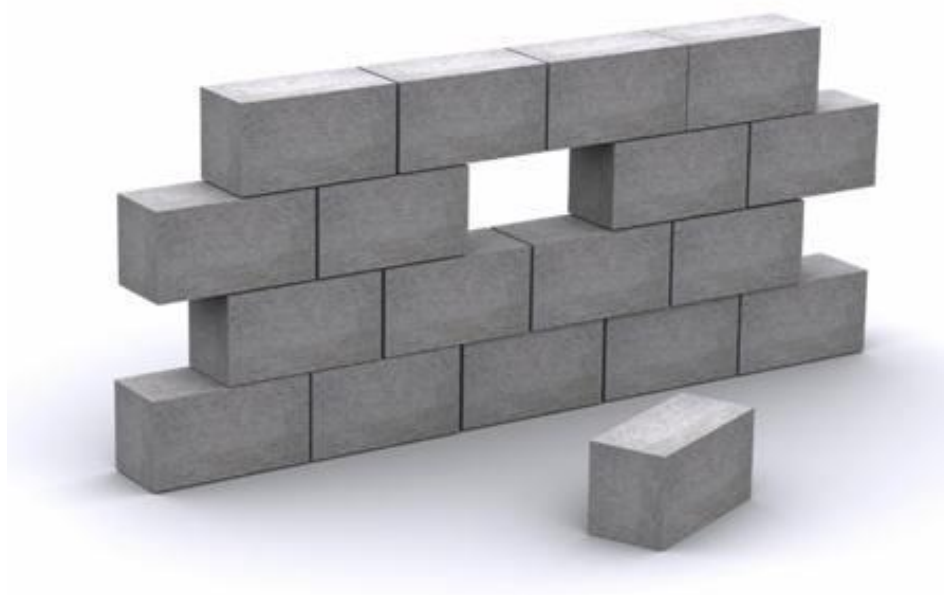
Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	176.308	193.835	9,94%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	206.467	213.588	3,45%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	5.626	3.289	-41,55%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.898	4.592	141,91%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.525	7.881	4,73%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.837	6.296	7,87%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	12	12,5	4,17%



Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,21	1,13
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,05	1,00
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	63,29	66,52
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	172,44	198,71
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,41	11,26
Doanh thu thuần /Tổng tài sản	Vòng	1,18	1,15
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,83	2,95
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	8,90	9,72
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	3,33	3,40
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	2,73	1,54



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Công ty vẫn đang đảm bảo được tính thanh khoản với hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt ở mức 1,15 và 1,00. Tuy nhiên hai hệ số này lại đang thể hiện xu hướng giảm trong năm 2016, nguyên nhân chủ yếu là do khoản mục Phải trả người bán và Người mua trả tiền trước tăng mạnh lần lượt là 8,13 tỷ đồng lên 18,26 tỷ đồng và 3,47 tỷ đồng lên 16,85 tỷ đồng.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Chỉ tiêu vòng quay Hàng tồn kho tăng đáng kể từ 9,41 vòng năm 2015 lên đến 11,26 vòng trong năm 2016, cho thấy khả năng quản lý hàng tồn kho của công ty ngày càng hiệu quả. Trong năm Công ty đã đầu tư gia tăng tài sản nhằm phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng tốc độ tăng doanh thu không theo kịp tốc độ tăng của Tổng tài sản, làm chỉ số vòng quay tổng tài sản có giảm đôi chút từ 1,18 lần xuống 1,15 lần.

**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**

Hoạt động trong ngành xây dựng, cần nguồn vốn lớn nên Công ty sử dụng tỷ lệ nợ cao trong cơ cấu vốn của mình. Năm 2016, tỷ lệ nợ/ tổng tài sản là 66,52%, cao hơn mức 63,29% năm 2015. Nợ của Công ty gia tăng chủ yếu từ hoạt động vay ngắn hạn và vay dài hạn. Công ty thực hiện vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, khoản vay dài hạn thời hạn 5 năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre nhằm đầu tư mua mới 3 xe ô tô tải tự đổ, phục vụ quá trình vận chuyển hàng hóa của Công ty.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong các hệ số thuộc nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời, chỉ số Lợi nhuận từ Hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần giảm trong khi cả 3 chỉ số còn lại đều được ghi nhận có xu hướng tăng lên. Nguyên nhân là do tốc độ tăng trong chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu trong năm 2016. Trong khi đó, chỉ số ROA và ROE của Công ty đang thể hiện khá tốt trong năm 2016. Cụ thể ROE tăng từ 8,09% trong năm 2015 lên mức 9,72% trong năm 2016, ROA cũng tăng từ 3,33% lên 3,40%. Dù lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm nhưng lợi nhuận sau thuế của Công ty lại ghi nhận một khoản gia tăng đáng kể từ thưởng doanh số lên đến hơn 2 tỷ đồng, điều này ảnh hưởng tích cực đến cả 2 hệ số ROE và ROA.



Cơ cấu cổ đông

Cổ phần

- Số cổ phiếu đã phát hành: 4.049.006 cổ phiếu
- Cổ phiếu phổ thông: 4.049.006 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 4.049.006 cổ phiếu
- Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- Chứng khoán khác: Không có

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông trong nước	204	4.041.106	99,805%
	Cổ đông Nhà Nước	1	2.014.626	49,76%
	Cổ đông tổ chức	3	204	0,005%
	Cổ đông cá nhân	200	2.026.276	50,04%
2	Cổ đông nước ngoài	1	7.900	0,195%
	Cổ đông tổ chức	0	0	0,0%
	Cổ đông cá nhân	1	7.900	0,195%
	Tổng cộng	205	4.049.006	100%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cá nhân/tổ chức(người đại diện)	SL CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)
1	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước, đại diện là:	2.014.626	49,76%
	<i>Ông Phan Quốc Thông</i>	<i>688.331</i>	<i>17%</i>
	<i>Ông Nguyễn Thanh Huy</i>	<i>556.984</i>	<i>13,76%</i>
	<i>Bà Mai Thị Thanh Thủy</i>	<i>769.311</i>	<i>19%</i>
2	Ông Cao Toàn Thắng	295.000	7,28%
3	Ông Ngô Hữu Tài	270.126	6,67%





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tên NVL	Đvt	Năm 2015		Năm 2016		% Tăng giảm
		SL	Thành tiền (đồng)	SL	Thành tiền (đồng)	
Đá mi bụi	m ³	621	248.400.000	686	144.365.000	10,47%
Cát vàng	m ³	370	18.500.000	271	13.354.000	-26,76%
Đá hạt	kg	123.400	128.212.000	157.560	163.704.000	27,68%
Bột đá	kg	78.350	68.450.000	88.900	88.900.000	13,47%
Bột màu	kg	4.429	153.520.000	4.478	246.899.000	1,11%
Xi măng đen	kg	348.150	466.521.000	336.450	384.515.000	-3,36%
Xi măng trắng	kg	23.120	94.214.000	33.600	122.942.000	45,33%
Đất	m ³	1.202	193.497.000	602	100.697.000	-49,92%
Trấu	kg	424.046	387.801.000	419.878	397.897.000	-0,98%
Cộng			1.759.115.000		1.663.273.000	

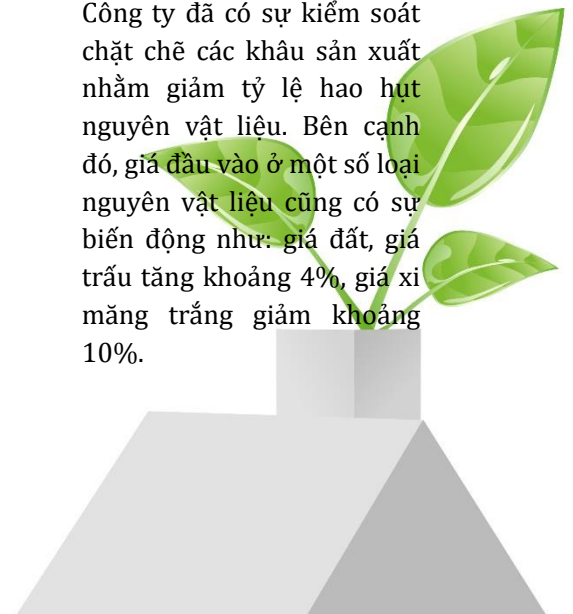
Trong quá trình sản xuất, Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre sử dụng những nguyên vật liệu được khai thác từ tự nhiên như đá mi, đá hạt, bột đá,... và một số loại phụ liệu khác như bột màu, trấu,... Công ty không sản xuất bao bì đóng gói sản phẩm nên không tiêu thụ nguyên vật liệu nào cho quá trình này. Do đặc thù nguyên vật liệu sản xuất chỉ sử dụng một lần nên hầu như không có nguyên vật liệu nào được tái sử dụng và Công ty cũng không thể xây dựng kế hoạch tái chế. Do đó, Công ty luôn tự ý thức sử dụng những tài nguyên thiên

nhien này một cách hợp lý nhất.

Dù Công ty chưa xây dựng được phương án tiết kiệm nguyên vật liệu cụ thể nhưng trong thực tế sản xuất, Công ty luôn thực hiện việc kiểm soát nguyên vật liệu đầu vào, định mức nguyên vật liệu cho từng đơn vị sản phẩm. Hàng tháng, Công ty đều kiểm tra lượng nguyên vật liệu thực tế sử dụng và định mức quy định để điều chỉnh kịp thời.

Nhìn chung, tổng giá trị sử dụng nguyên vật liệu năm nay giảm nhẹ ở mức 5,45% so với năm 2015. Tuy nhiên, từng loại nguyên vật liệu lại

có mức độ biến động khác nhau. Năm 2016, số lượng xi măng trắng được sử dụng tăng hơn 45% so với năm 2015, trong khi số lượng đất sử dụng giảm gần 50%. Sản lượng sản xuất của Công ty năm 2016 gần như tương đương năm 2015 nhưng trong quá trình sản xuất, Công ty đã có sự kiểm soát chặt chẽ các khâu sản xuất nhằm giảm tỷ lệ hao hụt nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, giá đầu vào ở một số loại nguyên vật liệu cũng có sự biến động như: giá đất, giá trấu tăng khoảng 4%, giá xi măng trắng giảm khoảng 10%.



Tiêu thụ năng lượng

Công ty sử dụng điện cho hoạt động sản xuất gạch bê tông gạch mộc, trấu dùng nung gạch mộc từ đất sét thành gạch nung thành phẩm.

Năng lượng	Đơn vị tính	Năm 2015		Năm 2016	
		Số lượng	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
Điện	KWh	23.400	43.300.000	12.325	28.347.500
Trấu	Kg	424.046	387.801.000	419.878	397.897.000

Mặc dù chưa có phương án cụ thể trong việc tiết kiệm năng lượng, Công ty luôn thực hiện bố trí nhân sự, máy móc hoạt động đồng bộ, liên tục để tiết kiệm điện nhằm không để máy hoạt động dư công suất, các công đoạn phối hợp nhịp nhàng để tránh máy chạy không tải,... Việc này được Công ty thực hiện nghiêm túc từ khi bố trí sản xuất và được kiểm tra, kiểm soát liên tục.

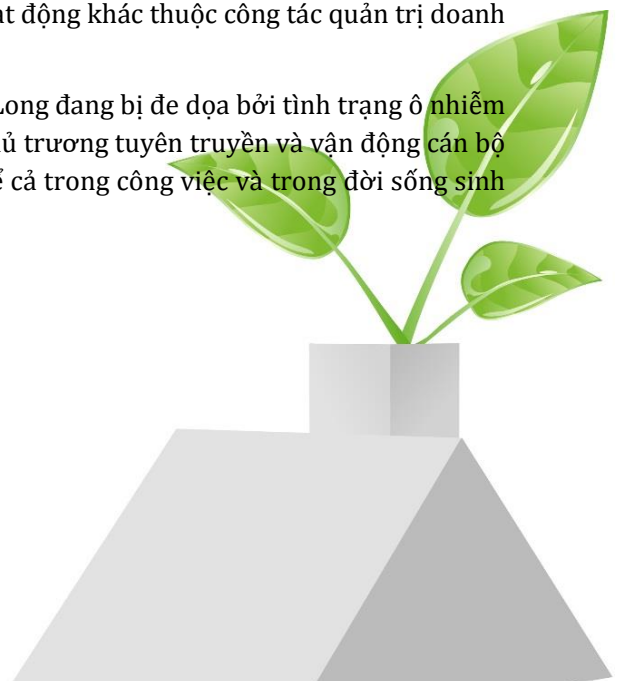
Đối với việc đốt trấu nung gạch đất sét, trước khi bắt đầu nung gạch Công ty tiến hành trình tự các khâu từ kiểm tra lò nung, chất gạch mộc đúng kỹ thuật, tỷ lệ hợp lý giữa gạch ống và gạch thẻ,... Trong quá trình nung thường xuyên kiểm tra nhiệt độ trong lò, thời gian nung lửa lớn, lửa nhỏ phải hợp lý để đảm bảo gạch thành phẩm đạt chất lượng (không thấp hơn tỷ lệ qui định) và tiết kiệm trấu. Sau khi nung gạch xong tiến hành thống kê, so sánh lượng trấu thực tế đưa vào nung đốt và định mức theo qui định.

Tiêu thụ nước

Tiêu thụ nước	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
Số lượng	m ³	708	700
Giá trị sử dụng	Đồng	6.130.000	6.300.000

Trong năm 2016, Công ty sử dụng 700m³ nước cho quá trình sản xuất gạch mộc và gạch bê tông. Tổng giá trị sử dụng nước năm 2016 đạt mức 6.300.000 đồng. Ngoài ra, Công ty cũng có sử dụng nước cho hoạt động hằng ngày của cán bộ, công nhân viên và các hoạt động khác thuộc công tác quản trị doanh nghiệp.

Trong bối cảnh nguồn nước ngọt tại Đồng bằng sông Cửu Long đang bị đe dọa bởi tình trạng ô nhiễm trên các con sông và hiện tượng xâm nhập mặn, Công ty chủ trương tuyên truyền và vận động cán bộ công nhân viên thực hiện các biện pháp tiết kiệm nước, kể cả trong công việc và trong đời sống sinh hoạt hàng ngày.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm Công ty không có trường hợp nào vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn xem lực lượng lao động là động lực phát triển của Công ty trong suốt quá trình hoạt động. Chính vì thế, quản trị mối quan hệ với người lao động là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển của Công ty. Công ty luôn hướng đến xây dựng một môi trường làm việc bình đẳng, công bằng, thân thiện và tạo điều kiện cho người lao động phát huy hết khả năng. Bên cạnh đó, Công ty cũng rất chú trọng đến vấn đề đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động cho tập thể cán bộ công nhân viên. Hàng năm, Công ty đều lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động hướng đến nâng cao chất lượng môi trường làm việc và chăm lo cho đời sống vật chất và tinh thần cho tập thể người lao động Công ty. Cụ thể, trong năm 2016, Công ty đã thực hiện các chính sách sau:

- Có chế độ bồi dưỡng cho công nhân đốt lò nung gạch hàng tháng bằng hiện vật như: đường, sữa,...
- Lương công nhân hưởng trên sản phẩm làm ra được quy định cho từng sản phẩm như: gạch bê tông 14.735 đồng/m², gạch nung 277 đồng/viên,...
- Hàng năm Công ty tổ chức các buổi tập huấn nghiệp vụ kỹ thuật an toàn – vệ sinh lao động cho người lao động Công ty.





Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Cộng đồng dân cư là một bộ phận công chúng quan trọng đối với hoạt động của một doanh nghiệp. Song song với nhiệm vụ phát triển hoạt động kinh doanh, Công ty vẫn luôn nỗ lực thực hiện trách nhiệm với cộng đồng. Năm 2016, Công ty đã dành tổng cộng 461 triệu đồng tài trợ cho các hoạt động thiện nguyện, hoạt động xã hội trong địa bàn tỉnh Bến Tre. Cụ thể, Công ty đã tham gia đóng góp cho xã hội thông qua các hoạt động sau:

- Phụng dưỡng các mẹ Việt Nam Anh Hùng định kỳ hàng quý
- Hỗ trợ cho quỹ khuyến học của tỉnh nhà
- Xây dựng giao thông nông thôn ở các xã nghèo trên địa bàn tỉnh như xây cầu, đường,..
- Hỗ trợ quỹ vì người nghèo, bảo trợ bệnh nhân nghèo, nạn nhân chất độc da cam/dioxin
- Hỗ trợ các gia đình chính sách khó khăn, bà con nghèo của tỉnh đi vùng kinh tế mới,...

RESPONSIBILITY

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Về kết quả hoạt động kinh doanh

Về tình hình tài chính

Về những cải cách trong năm

Kế hoạch năm 2017

Về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội



Về kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2015	TH 2016	2016 so với 2015
Doanh thu thuần	Triệu đồng	206.467	213.588	103,45%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	185.558	192.458	103,72%
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	20.909	21.130	101,06%
Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	147	43	29,25%
Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng	5.171	6.081	117,60%
Chi phí bán hàng	Triệu đồng	3.830	4.558	119,01%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	6.429	7.246	112,71%
Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	Triệu đồng	5.626	3.289	58,46%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.898	4.592	241,94%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.525	7.881	104,73%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.837	6.296	107,86%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/VĐL	%	12	12	100,00%
EPS	Đồng	1.132	1.216	107,42%

Đối với các doanh nghiệp vùng Đồng bằng Sông Cửu Long nói chung và các doanh nghiệp tại tỉnh Bến Tre nói riêng, năm 2016 là một năm đầy thách thức gây ra bởi thiên tai hạn hán và xâm nhập mặn. Tình trạng thiên tai này khiến nông nghiệp mất mùa, dân cư thiếu nước ngọt trong sinh hoạt, gián tiếp ảnh hưởng đến quyết định chi tiêu cho xây dựng trong dân chúng. Bên cạnh đó, tình trạng này còn trực tiếp ảnh hưởng đến tiến độ thi công của các công trình xây dựng, khiến doanh thu mảng thi công xây dựng giảm, ảnh hưởng tiêu cực đến tổng doanh thu thực hiện của Công ty trong năm 2016.

Ban giám đốc đã phân tích đánh giá tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, tình hình nhu cầu thị trường, các chính sách từ nhà sản xuất, ... và đưa ra những kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, Ban Lãnh đạo Công ty thường xuyên theo dõi sát tình hình từ công tác nội bộ đến công tác đối ngoại, kịp thời có những chỉ đạo, hướng giải quyết, biện pháp thực hiện từng sự việc tại từng thời điểm nhằm mục tiêu hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động SXKD, đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

Sự chỉ đạo từ Ban lãnh đạo cùng với nỗ lực của tập thể cán bộ, công nhân viên Công ty đã mang lại kết quả kinh doanh khá tích cực trong năm vừa qua. Doanh thu năm 2016 của Công ty tăng 3,45% so với năm 2015, đạt mức 213,59 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế tăng 7,86%, đạt 6,30 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là khoản tăng trong lợi nhuận khác từ 1,90 tỷ đồng năm 2015 lên 4,59 tỷ đồng năm 2016, đây là khoản thu nhập từ việc thưởng doanh số bán hàng trong năm của VXB.

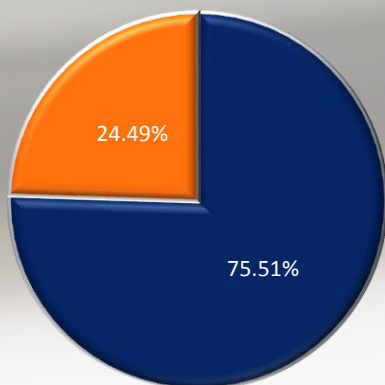


Về tình hình tài chính

Tình hình tài sản

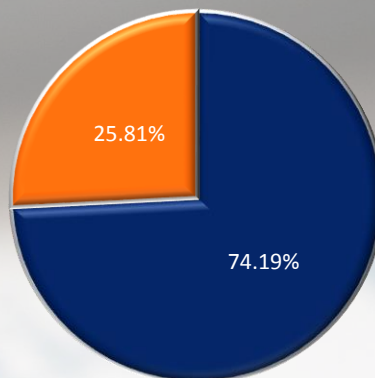
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Tỷ trọng	Năm 2016	Tỷ trọng	% Tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	133.132	75,51%	143.799	74,19%	8,01%
Tiền và các khoản tương đương tiền	Triệu đồng	7.466	4,23%	8.661	4,47%	16,01%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Triệu đồng	108.075	61,30%	118.537	61,15%	9,68%
Hàng tồn kho	Triệu đồng	17.591	9,98%	16.601	8,56%	-5,63%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	43.177	24,49%	50.037	25,81%	15,89%
Các khoản phải thu dài hạn	Triệu đồng	-	-	1.603	0,83%	-
Tài sản cố định	Triệu đồng	15.733	8,92%	15.961	8,23%	1,45%
Bất động sản đầu tư	Triệu đồng	13.848	7,85%	13.848	7,14%	0,00%
Tài sản dở dang dài hạn	Triệu đồng	12.348	7,00%	12.705	6,55%	2,89%
Tài sản dài hạn khác	Triệu đồng	1.248	0,71%	5.919	3,05%	374,36%
Tổng tài sản	Triệu đồng	176.308	100%	193.835	100%	9,94%

Năm 2015



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Năm 2016



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Nhìn chung Tổng tài sản Công ty tăng ở mức 9,94%, từ 176,31 tỷ đồng tại thời điểm ngày 31/12/2015 lên đến 193,84 tỷ tại ngày 31/12/2016. Trong đó, Tài sản ngắn hạn tăng 8,01%, đạt mức 143,80 tỷ đồng. Tài sản dài hạn tăng 15,89%, từ 43,18 tỷ vào cuối năm 2015 lên đến 50,04 tỷ đồng vào cuối năm 2016.

Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản của Công ty. Trong tương lai, Công ty đang dần chuyển dịch cơ cấu tổng tài sản, gia tăng tỷ trọng tài sản dài hạn nhằm đáp ứng yêu cầu đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất gạch để phù hợp với nhu cầu thị trường và định hướng phát triển ngành Vật liệu xây dựng của Chính phủ.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Tỷ trọng	Năm 2016	Tỷ trọng	% tăng giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	109.639	98,25%	126.751	98,30%	15,61%
Phải trả người bán ngắn hạn	Triệu đồng	8.126	7,28%	18.264	14,16%	124,76%
Người mua trả tiền trước	Triệu đồng	3.473	3,11%	16.949	13,14%	388,02%
Thuế và các khoản phải nộp	Triệu đồng	5.080	4,55%	3.077	2,39%	-39,43%
Phải trả người lao động	Triệu đồng	1.479	1,32%	1.340	1,04%	-9,40%
Chi phí phải trả ngắn hạn	Triệu đồng	4.537	4,07%	4.537	3,52%	0,00%
Phải trả khác	Triệu đồng	13.212	11,84%	8.191	6,35%	-38,00%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Triệu đồng	72.663	65,11%	74.332	57,65%	2,30%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	Triệu đồng	70	0,06%	60	0,05%	-14,29%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	1.954	1,75%	2.194	1,70%	12,28%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Triệu đồng	1.954	1,75%	2.194	1,70%	12,28%
Nợ phải trả	Triệu đồng	111.594	100%	128.944	100%	15,55%

Nợ phải trả của Công ty tăng 15,55% từ 111,59 tỷ đồng lên đến 128,94 tỷ đồng tại ngày 31/12/2016. Nợ ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu Nợ phải trả của Công ty. Kết thúc năm 2016, Nợ ngắn hạn chiếm 98,30% tổng nợ, trong khi Nợ dài hạn chiếm 1,70%.

Nợ ngắn hạn của Công ty chủ yếu đến từ khoản Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Khoản mục này chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu Nợ phải trả của Công ty. Kết thúc năm 2016, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty tăng 2,30% nhưng tỷ trọng của khoản mục này giảm từ 65,11% trong năm 2015 xuống mức 57,65% khi kết thúc năm 2016. Khoản vay tài chính ngắn hạn này của Công ty được thực hiện theo hợp đồng số 01/2015/670816/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre nhằm bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp, cầm cố tài sản không đảm bảo một phần. Theo giá trị định giá của Ngân hàng như sau:

- Tài sản cố định: 9.753.000.000 đồng
- Vật tư tồn kho bình quân: 36.000.000.000 đồng
- Giá trị quyền sử dụng đất tại Phú Nhuận theo định giá của Ngân hàng: 8.145.000.000 đồng

Trong khi đó, khoản mục Phải trả người bán tăng đến 124,76%, từ mức 8,13 tỷ đồng lên đến 18,26 tỷ đồng. Người mua trả tiền trước tăng từ 3,47 tỷ đồng lên 16,95 tỷ đồng, tăng 388,02%.

Nợ dài hạn của Công ty tăng gần 50%, từ 1,95 tỷ đồng lên 2,19 tỷ đồng. Đây là khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre, khoản vay này được Công ty sử dụng để mua mới 03 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu HINO phục vụ hoạt động vận chuyển hàng hóa.

Về những cải cách trong năm

- Thành lập thêm Đội thi công số 7 nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của lĩnh vực xây dựng.
- Khả năng quản trị Hàng tồn kho đang ngày càng được cải thiện, khẳng định năng lực của Ban quản trị trong việc đánh giá nhu cầu và thời điểm nhập xuất hàng hóa.
- Mối quan hệ với nhà đầu tư, nhà cung cấp, nhà sản xuất, khách hàng và các cơ quan ban ngành được Ban Giám đốc chú trọng duy trì, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc thực hiện các dự án, các công trình và bán hàng.
- Công ty thường xuyên kiểm tra tất cả các khâu quá trình sản xuất, nhằm đảm bảo gạch thành phẩm xuất xưởng phải đạt tiêu chuẩn.
- Thực hiện chiến lược mở rộng thị trường, tập trung vào nhóm khách hàng tiềm năng, song song kết hợp với các chính sách bán hàng linh động hơn như giảm giá bán nếu khách hàng mua trọn gói vật tư, chính sách riêng dành cho nhà thầu, người môi giới, ... nhằm tăng thị phần và thực hiện mục tiêu lợi nhuận.
- Đơn vị nhận thấy việc áp dụng ISO 9001 là cách thức tốt nhất để nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng với các sản phẩm và dịch vụ mà công ty cung cấp, tạo dựng lòng tin và xây dựng thương hiệu, hình ảnh uy tín cho công ty, mở ra nhiều cơ hội mới giúp công ty phát triển bền vững lâu dài. Đến tháng 8/2016 công ty đã được tổ chức GIC cấp giấy chứng nhận tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Kế hoạch năm 2017

Năm 2017 là năm quyết định đối với việc thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 – 2020. Chính vì vậy, Quốc hội, Chính phủ đã quyết tâm phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% trong năm 2017. Nếu như năm 2017 không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% thì việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng 6,5 – 6,7% của cả giai đoạn 2016 – 2020 sẽ rất khó khăn.

Theo kế hoạch chung của tỉnh Bến Tre thì năm 2017 sẽ tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các nghị quyết, chỉ thị, đề án, chương trình, kế hoạch, ... đã được ban hành, nhằm tạo sự chuyển biến rõ nét trong nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế.

Tình hình thị trường năm 2017 được dự báo sẽ vẫn còn tiềm ẩn những khó khăn, thách thức do tình hình kinh tế trong nước vẫn đang tồn tại những vấn đề có tính cơ cấu dài hạn khiến tính linh hoạt của các chính sách nhằm đối phó với những vấn đề trong ngắn hạn càng thêm hạn chế; ngược lại, những khó khăn trong ngắn hạn lại làm chậm, thậm chí cạnh tranh nguồn lực với tiến trình giải quyết những vấn đề dài hạn.

Trên cơ sở định hướng phát triển chung của tỉnh, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định phương hướng hoạt động SXKD theo tinh thần thận trọng và chắc chắn; phát huy những thành quả đạt được và phân tích, đánh giá những tồn tại, hạn chế trong năm qua để thực tập trung thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2017.

Điểm mạnh

- Công ty là thương hiệu có uy tín trên thị trường Bến Tre trong lĩnh vực kinh doanh - sản xuất vật liệu xây dựng, thi công xây dựng - san lấp mặt bằng, nên luôn có sẵn nguồn khách hàng ổn định.
- Tình hình tài chính lành mạnh, khả năng đối ứng và thanh khoản tốt. Nguồn lực tài chính đủ mạnh để đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững.
- Có đầy đủ hệ thống kho hàng, bến bãi, phương tiện vận tải, thiết bị thi công.
- Lực lượng nhân sự ổn định, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cao, gắn bó chặt chẽ với Công ty và phối hợp nhịp nhàng với các phòng ban trong công việc; đội ngũ kỹ sư trong lĩnh vực xây dựng có đủ các chuyên ngành và có đủ nhân sự cùng lúc đảm nhận cùng lúc nhiều công trình lớn.
- Công ty đã thiết lập hệ thống phân phối vững mạnh với các cửa hàng đại lý và đối tác rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh với hơn 100 cửa hàng đại lý và trên 30 đối tác.

Điểm yếu

- Người lao động chưa phát huy tốt nhất năng suất làm việc khi Công ty tiến hành tái cơ cấu, áp dụng phương thức kinh doanh mới, cách làm việc mới và chưa phát huy tính hiệu quả như mong đợi.
- Công tác phối hợp giữa các bộ phận trong khâu xác định nhu cầu thị trường, nhập xuất hàng bán, điều động phương tiện giao nhận,... đôi lúc chưa đồng bộ làm ảnh hưởng đến kế hoạch chung của Công ty.
- Hệ thống chính sách đối với người lao động chưa phát huy hết tính tích cực, tính sáng tạo, tính năng động và chưa kích thích tăng năng suất lao động cũng như kích thích tinh thần phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của từng cá nhân.
- Công ty còn nhiều thiếu sót trong công tác tham mưu, đề xuất chính sách bán hàng, khuyến mãi. Bên cạnh đó, khâu chăm sóc hậu mãi bán hàng chưa được các bộ phận thực hiện một cách nghiêm túc, đầy đủ. Chưa thực hiện tốt công tác tham mưu các chiến lược phát triển, nâng tầm Công ty lên nhà phân phối chiến lược.



Cơ hội

- Theo Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND, ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về phát triển kinh tế xã hội năm 2017, mục tiêu tổng quát năm 2017 được xác định là năm “hành động” để triển khai thực hiện đồng bộ các nghị quyết, chỉ thị, đề án, chương trình, kế hoạch đã được ban hành, nhằm tạo sự chuyển biến rõ nét trong nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế. Theo đó có các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu là :
 - Triển khai xây dựng nông thôn mới đồng bộ ở các xã, tạo thành phong trào sâu rộng trong cả hệ thống chính trị và nhân dân;
 - Đề án phát triển công nghiệp tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020 và Chỉ thị số 13-CT/TU về huy động nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020; đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Phú Thuận, cụm công nghiệp Phú Hưng, Long Phước, Hữu Định, Thành Thới B, An Đức - thị trấn Ba Tri, mở rộng cụm công nghiệp Phong Nấm và các dự án lớn khác;
 - Triển khai tổ chức thực hiện chương trình phát triển doanh nghiệp gắn với cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.
- Công ty đã tạo được uy tín, được sự ủng hộ của khách hàng, đối tác, sự tin tưởng của Lãnh đạo tỉnh và các ban ngành. Đây là điều kiện thuận lợi trong sản xuất kinh doanh, trong thi công xây dựng công trình. Đây cũng sẽ tiếp tục là cơ hội cho sự phát triển của Công ty trong thời gian tới.
- Sau thời gian nghiên cứu, tìm hiểu năng lực và khả năng cạnh tranh, các nhà sản xuất đã chọn Công ty làm nhà phân phối tại thị trường Bến Tre để phát triển thị phần của các nhóm hàng sơn, ống nhựa. Đây là điều kiện thuận lợi để Công ty gia tăng doanh thu, lợi nhuận qua việc mua hàng trực tiếp từ nhà sản xuất và phân phối cho thị trường (trước đây Công ty phải mua hàng qua nhà phân phối khác nên gặp bất lợi về các chính sách bán hàng, chiết khấu, ưu đãi,... và không tạo ra lợi thế cạnh tranh đáng kể trên thị trường).
- Là khách hàng thường xuyên giao dịch với các tổ chức tín dụng nên khi cần bổ sung nguồn vốn vay thì đơn vị có lợi thế về mức lãi suất áp dụng (thấp hơn mức lãi suất bình quân chung của thị trường). Đây là điều kiện thuận lợi để đơn vị triển khai thực hiện các dự án trong năm 2017.





Thách thức

- Chính sách bán hàng trả chậm dễ dẫn đến tình trạng bị chiếm dụng vốn và làm chậm khả năng quay vòng vốn kinh doanh.
- Các nhà sản xuất vì mục tiêu chiếm lĩnh thị trường, gia tăng thị phần sẽ gây áp lực với Công ty nhằm tăng sản lượng tiêu thụ trong khi vẫn áp dụng các chính sách này với các nhà phân phối khác, việc này dẫn đến tình trạng cạnh tranh gay gắt, ngày càng khốc liệt và thiếu lành mạnh giữa các nhà phân phối khác với Công ty trên thị trường Bến Tre. Các nhà sản xuất gây áp lực lên Công ty và các đại lý khác về doanh số và sản lượng trong khi các chính sách khuyến mãi, chiết khấu của nhà sản xuất chưa phát huy được tác dụng. Điều này sẽ dẫn đến tình trạng cạnh tranh gay gắt, ngày càng khốc liệt và thiếu lành mạnh trên thị trường Bến Tre.
- Việc chia nhóm, hạng doanh nghiệp, kiểm soát chặt chẽ hơn các tiêu chí trong hồ sơ dự thầu ngoài những tác dụng tích cực còn phát sinh vấn đề tiêu cực và tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh trong đấu thầu.
- Theo báo cáo số 358/BC-UBND, ngày 31/11/2016 của UBND tỉnh thì tổng nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước năm 2016 là 1.863 tỷ đồng, vốn kế hoạch năm 2017 là hơn 1.967 tỷ đồng. Nhưng kế hoạch phân bổ vốn thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên bố trí vốn để thu hồi các khoản vốn ứng trước; thanh toán nợ tồn đọng xây dựng cơ bản; các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2017; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư PPP theo các nguyên tắc trên sẽ tiềm ẩn nhiều nguy cơ làm chậm tiến độ giải ngân và ảnh hưởng đến kế hoạch xoay vòng vốn, kế hoạch doanh thu, kế hoạch lợi nhuận của Công ty.



Nhận diện được cơ hội và thách thức đồng thời xác định được vị thế của Công ty khi bước vào năm 2017, Ban giám đốc đưa ra những mục tiêu kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2016	TH 2016	KH 2017
Tổng doanh thu	Triệu đồng	228.000	218.265	233.369
Tổng chi phí	Triệu đồng	219.900	210.384	225.269
Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.100	7.881	8.100
Số phải nộp ngân sách	Triệu đồng	13.661	15.783	15.600



Hoạt động kinh doanh Vật liệu xây dựng

Công ty xác định tình hình thị trường năm 2017 sẽ diễn ra sôi động và cạnh tranh quyết liệt không chỉ giữa các nhà phân phối với nhau mà sẽ phát sinh thêm sự cạnh tranh, sự ràng buộc chỉ tiêu của các nhà sản xuất với các nhà phân phối nhằm gia tăng thị phần của các nhà sản xuất. Đặc biệt đối với thị trường xi măng, năm 2017, mức độ cạnh tranh giành thị phần trong nước được đánh giá sẽ tăng mạnh. Nguyên nhân là do trong thị trường xi măng Việt Nam, các nhà sản xuất hiện đang mở rộng quy mô khi hàng loạt dự án xây dựng nhà máy xi măng chính thức khởi động trong năm tới. Nguồn cung tăng mạnh trong khi xi măng Việt Nam lại đang gặp khó tại thị trường xuất khẩu, khiến cho áp lực tranh giành thị phần trong nước ngày càng nặng nề hơn cho các nhà sản xuất. Để hoàn thành kế hoạch kinh doanh vật liệu xây dựng, Công ty cần nghiêm túc thực hiện các biện pháp như:

- Áp dụng những chính sách bán hàng phù hợp với từng đối tượng khách hàng (chẳng hạn như chính sách áp dụng cho đại lý, thầu thợ, đơn vị thi công, nhà dân,...) và từng nhóm hàng hóa (xi măng, thép xây dựng, sơn, ống nhựa,...) nhằm thâm nhập và gia tăng mức độ phổ biến ở phân khúc mà thị phần của Công ty còn hạn chế.
- Nâng cao hiệu quả quản trị hàng tồn kho, lưu kho bằng cách lập kế hoạch mua bán, dự trữ hàng hóa hợp lý theo từng thời điểm để ứng phó với sự biến động về giá cả và nguồn cung hàng hóa, đảm bảo đáp ứng đúng chủng loại, đủ số lượng, giao hàng đúng thời gian cho các công trình xây dựng, cho các đại lý, cho khách hàng,...
- Tăng cường công tác kiểm soát quá trình từ khâu lựa chọn nhà sản xuất, nhập kho, lưu kho, xuất hàng, bán hàng, và công tác chăm sóc khách hàng sau khi bán nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường và gia tăng mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ của Công ty. Đảm bảo các người lao động ở các khâu này phải phối hợp chặt chẽ để quá trình luân chuyển hàng hóa được diễn ra liên tục, xuyên suốt và không bị ách tắc ở khâu nào. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc còn thực hiện phân tích đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp thực tế nhằm thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất và phát huy hiệu quả một cách tối ưu
- Các nhiệm vụ của kế hoạch năm 2017 sẽ phải được thực hiện nghiêm túc, từng thời điểm có sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện để đánh giá, phân tích ... để kịp thời đề ra các giải pháp khắc phục khuyết điểm hay tăng cường phát huy các ưu điểm nhằm cải thiện, nâng cao tính hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đối với mảng kinh doanh vật liệu xây dựng, năm 2017, Công ty đặt kế hoạch doanh thu bán ra tăng 4% so với năm 2016, đạt mức 82,5 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế tăng 15% so với lợi nhuận năm 2016, đạt mức 2,3 tỷ đồng



Hoạt động thi công san lấp, xây dựng

Ban lãnh đạo xác định lĩnh vực thi công xây dựng vẫn là lĩnh vực chủ lực của Công ty trong thời gian tới. Do vậy, các phòng, bộ phận, phân xưởng cần thực hiện tốt các chức trách, nhiệm vụ của mình để hỗ trợ hoạt động thi công san lấp, xây dựng hoàn thành tốt nhiệm vụ và mang về lợi nhuận cho đơn vị.

Chú trọng khắc phục những mặt tồn tại, hạn chế trong việc cung ứng hàng hóa cho các công trình, cụ thể:

- Định kỳ lập kế hoạch sử dụng vật tư cho công trình và thường xuyên ra soát, điều chỉnh sao cho phù hợp với thực tế thi công của Công ty.
- Tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ phận để gia tăng mức độ chính xác của kế hoạch sử dụng vật tư nhằm đáp ứng tiến độ thi công của từng công trình. Việc làm này không những tạo sự chủ động trong việc cung cấp vật tư mà còn hạn chế sự phát sinh tăng giá vật tư của các công trình.
- Thực hiện các bước chuẩn bị để thực hiện tốt công tác quyết toán nội bộ, quyết toán với chủ đầu tư ... thường xuyên liên hệ với các bên có liên quan để rút ngắn thời gian giải ngân, quyết toán các công trình.
- Các phân xưởng sản xuất cần linh động, chủ động hơn trong việc đề xuất, lập kế hoạch sản xuất để giao hàng kịp thời cho các công trình thi công đúng tiến độ.

Năm 2017, Công ty đặt kế hoạch đạt 136 tỷ đồng doanh thu mảng thi công san lấp xây dựng, tăng 14% so với doanh thu năm 2016. Lợi nhuận mục tiêu của mảng kinh doanh này được đặt ra ở mức 4,9 tỷ đồng, tăng 9% so với lợi nhuận năm 2016.

Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Mỹ Thạnh An

Rà soát, kiểm tra tiến độ lấp đầy mật độ dân cư tại khu tái định cư này, giải quyết các vướng mắc về thủ tục giấy tờ ... để các bộ phận tập trung thực hiện hoàn tất các công việc còn lại.

Lập thủ tục và triển khai thi công các hạng mục còn lại: Trạm xử lý nước thải, xây dựng chợ.

Kế hoạch kinh doanh các lô nền còn lại: Dự kiến trong năm 2017 sẽ sang nhượng 50% diện tích các lô nền còn lại.

Công ty đặt kế hoạch doanh thu thực hiện đạt 1,4 tỷ đồng, tăng 27% so với doanh thu năm 2016, lợi nhuận trước thuế đạt 70 triệu đồng, tăng 5% so với thực hiện năm 2016



Hoạt động khai thác cát

Từ năm 2017 đơn vị được phép khai thác tại 03 mỏ cát là Vĩnh Bình, Phụng Châu và Tiên Thủy - An Hiệp. Do vậy, kế hoạch khai thác 2017 được lập trên cơ sở khả năng tiêu thụ, trữ lượng, công suất được phép khai thác của 03 mỏ cát trên.

Tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về hoạt động khai thác khoáng sản, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước và chính quyền địa phương. Nộp đầy đủ các loại thuế, phí liên quan đến hoạt động khai thác cát; ký quỹ bảo vệ phục hồi môi trường, nộp đầy đủ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn lại đúng quy định.

Thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo định kỳ tháng, quý, năm đúng quy định và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Tuân thủ việc khai thác đúng theo tọa độ, biên giới khai trường, thời gian khai thác, sản lượng khai thác ... đúng theo giấy phép đã được cấp. Chấp hành tốt các quy định về an toàn giao thông đường thủy nội địa tại khu vực khai thác.

Kiểm tra, giám sát thường xuyên hoạt động khai thác tại các mỏ cát để đảm bảo việc khai thác theo đúng các quyết định cấp phép, các kế hoạch khai thác và đúng theo các quy định khác của Nhà nước.

Thường xuyên cập nhật thông tin về việc áp dụng các chính sách mới của nhà nước, của tỉnh, của ngành ... đối với hoạt động khai thác cát để có thể chủ động điều chỉnh hoạt động khai thác cho phù hợp nhằm bảo tính hiệu quả của hoạt động này.

Công ty đặt kế hoạch đạt 3,8 tỷ đồng, tăng 1% so với doanh thu năm 2016, lợi nhuận trước thuế đạt 690 triệu đồng, tương đương 47% so với thực hiện năm 2016



Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng

Trong thời gian tới, Ban lãnh đạo chủ trương tiếp tục phát huy những thế mạnh của Công ty, đồng thời từng bước khắc phục những thiếu sót, cải tiến quy trình sản xuất, cắt giảm chi phí sản xuất. Ban Giám đốc sẽ theo sát, phân tích đánh giá tình hình và đưa ra phương hướng, chỉ đạo giải quyết những vấn đề phát sinh.

Các phòng ban, bộ phận, phân xưởng ... trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phải lập kế hoạch phối hợp làm việc trong tất cả các khâu, các công đoạn để quá trình sản xuất được diễn ra liên tục từ khâu nhập nguyên vật liệu đầu vào đến thực hiện sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và hậu mãi ... cho phù hợp với các quy trình, các mục tiêu, chính sách chất lượng v.v ... của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

Kế hoạch cho từng mặt hàng cụ thể như sau:

Hoạt động sản xuất gạch nung

Đến thời điểm cuối năm 2016 thì vẫn chưa có chủ trương của tỉnh về lộ trình, thời gian cụ thể sử dụng gạch không nung và chủ trương dừng sản xuất gạch đất sét nung truyền thống. Trước tình hình trên thì kế hoạch năm 2017 đơn vị tổ chức sản xuất gạch đất sét nung theo hướng chủ yếu để giải quyết việc làm cho người lao động, sản xuất để cung cấp cho các công trình xây dựng đang sử dụng đồ dạng gạch nung.

Trong thời gian tới, tùy theo diễn biến nhu cầu thị trường, chủ trương chung của Nhà nước ... đơn vị sẽ có kế hoạch đầu tư sản xuất gạch không nung theo công nghệ mới để thay thế cho hoạt động sản xuất gạch nung truyền thống.

Tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết kiệm nguyên vật liệu, tăng cường duy tu bảo dưỡng

... để hạn chế chi phí sửa chữa nhằm hạ giá thành sản xuất.

Năm 2017, Công ty kỳ vọng đạt 600 triệu đồng doanh thu và sản lượng sản xuất là 1,1 triệu viên.

Hoạt động sản xuất gạch Terrazzo

Trước chủ trương phát triển đô thị hóa chung của tỉnh, đơn vị sẽ tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm rộng rãi hơn nhằm mở rộng thị trường, gia tăng thị phần.

Thương hiệu gạch terrazzo DONGKHÔI của đơn vị sản xuất đã được chứng nhận ISO 9001:2015, chứng nhận hợp qui theo TCVN 7744 - 2013. Do vậy, trong quá trình sản xuất phải đảm bảo thực hiện đúng quy trình kỹ thuật để đảm bảo sản phẩm xuất xưởng đạt các chỉ tiêu theo các tiêu chuẩn đã đăng ký.

Tăng cường công tác điều tra, nghiên cứu thị trường để các sản phẩm gạch luôn theo kịp xu hướng phát triển của thị trường; chú trọng thực hiện tốt khâu hậu mãi, thực hiện các tốt chính sách đối với người môi giới, khách hàng gián tiếp ...

Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát từ khâu nhập nguyên vật liệu, tổ chức sản xuất, bảo dưỡng, giao nhận ... để đảm bảo tính liên kết của quá trình sản xuất và đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng tốt nhất khi cung ứng cho thị trường.

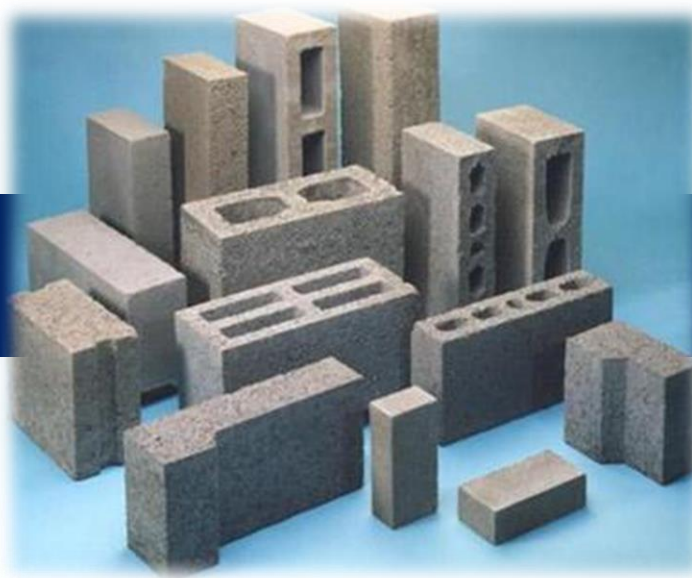
Kế hoạch năm 2017 của Công đối với hoạt động này: Doanh thu bán ra đạt 1,69 tỷ đồng - bằng 86% doanh thu thực hiện năm 2016, sản lượng sản xuất là 21.000 m² - bằng 98% sản lượng thực hiện năm 2016.



Hoạt động sản xuất gạch bê tông tự chèn

Để tiếp tục cung ứng lượng nhu cầu còn lại của Công trình Kênh tỉnh - Khu công nghiệp Giao Long do đơn vị thi công. Năm 2017, đơn vị tiếp tục lập kế hoạch sản xuất gạch bê tông tự chèn để cung ứng cho công trình trên. Cụ thể sản lượng sản xuất là 3.000 m² – bằng 84% sản lượng thực hiện năm 2016, cung cấp cho công trình là 3.500 m² – bằng 91% sản lượng cung cấp năm 2016.

Tuy nhiên do sản phẩm gạch bê tông tự chèn hiện nay và dự kiến thời gian tới không còn phù hợp với đa số thị hiếu người tiêu dùng tại thị trường Bến Tre (nhu cầu thị trường đã chuyển sang gạch terrazzo do dễ thi công, sửa chữa, tính mỹ quan cao hơn, giá thành thấp hơn ...). Mặc khác do đây là hạng mục tiếp nối nên phải sử dụng gạch bê tông tự chèn để đảm bảo tính đồng nhất của công trình. Do vậy, năm 2017 đơn vị chỉ lập kế hoạch sản xuất đủ sản lượng để đáp ứng cho công trình và không lập kế hoạch sản xuất kinh doanh bán ra.

**Hoạt động sản xuất tole & xà gồ**

Thị phần tole và xà gồ trong thời gian qua giảm đáng kể do thị trường xây dựng dân dụng và công nghiệp đang chuộng loại ngói đất sét nung và ngói ximăng làm tấm lợp do tính thẩm mỹ, độ bền của các loại vật liệu này.

Tuy gặp nhiều bất lợi nhưng mặt hàng này trong thời gian tới vẫn có hướng phát triển khả quan do tác động tích cực từ kế hoạch xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2017 mang lại. Nhóm khách hàng tiềm năng trong thời gian tới là các đơn vị thi công xây dựng các nhà máy, nhà xưởng, công trình phụ trợ ... tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Đơn vị đang xây dựng các chính sách bán hàng linh động hơn, đa dạng hơn ... đồng thời tăng cường công tác thị trường để tiếp cận một cách có hiệu quả với nhóm khách hàng tiềm năng này.

Tiến hành rà soát lại toàn bộ chi phí sản xuất, định mức sử dụng nguyên vật liệu, giá nguyên liệu đầu vào ... để giảm giá thành, tạo lợi thế cạnh tranh.

Công ty đặt kế hoạch doanh thu bán ra đạt 425 triệu đồng, tăng 10% so với thực hiện năm 2016.



Hoạt động vận tải hàng hóa

Thường xuyên kiểm tra, tuyên truyền ý thức trách nhiệm đối với người điều khiển phương tiện trong việc chấp hành các nội qui, qui định của Nhà nước, của đơn vị;

Các qui trình bảo dưỡng, vận hành phương tiện phải được thực hiện nghiêm chỉnh nhằm đảm bảo các phương tiện luôn được bảo quản tốt, luôn trong tình trạng sẵn sàng hoạt động, không để xảy ra các hư hỏng do lỗi chủ quan của tài xế.

Công tác điều động phương tiện giao nhận hàng phải được phối hợp nhịp nhàng từ khâu tiếp nhận đơn hàng, đặt hàng, điều động phương tiện, giao nhận ...nhất là các vấn đề phát sinh trong quá trình điều động, giao nhận hàng phải được từng khâu giải quyết trong phạm vi, chức trách được giao và phải kịp thời báo cáo xin ý kiến giải quyết nếu vượt thẩm quyền.

Các công tác này phải được thường xuyên thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện để tăng năng suất hoạt động của phương tiện, đảm bảo phương tiện được sử dụng một cách tối ưu.

Năm 2017, kế hoạch của Công ty là doanh thu thực hiện đạt 1,88 tỷ đồng - tăng 6% so với thực hiện năm 2016.

Hoạt động tài chính – kế toán

Bên cạnh các kế hoạch về sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo cũng đề ra kế hoạch cho các công tác hậu cần, nhằm đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao.

Đối với các hoạt động kế toán – tài chính, Công ty cần thực hiện những biện pháp sau:

Tiếp tục thực hiện theo định hướng hoạt động kinh doanh có lãi, bảo toàn nguồn vốn và tăng trưởng. Đảm bảo luôn có đủ nguồn vốn, bố trí sử dụng một cách hợp lý, tối ưu trong từng thời điểm cho mọi mặt hoạt động của đơn vị.

Công tác phân tích, đề xuất các vấn đề tài chính của các bộ phận nghiệp vụ phải được thực hiện thường xuyên, kịp thời để tham mưu cho Ban Lãnh đạo một cách nhanh chóng, chính xác và toàn diện về thực trạng hoạt động tài chính. Chú trọng thực hiện tốt việc tham mưu, đề xuất những giải pháp hữu hiệu trong từng thời điểm, từng tình hình.

Thường xuyên lập phương án, kế hoạch chuẩn bị vốn theo từng thời điểm, tiến độ sản xuất, tiến độ thi công công trình ... các kế hoạch này nếu được lập sát với diễn biến thị trường thì sẽ hỗ trợ rất tốt các mặt hoạt động khác hoàn thành nhiệm vụ được giao và mang về doanh thu, lợi nhuận cho đơn vị.

Duy trì tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng để tạo lợi thế về nguồn vốn vay và sự bảo lãnh để tham gia dự thầu, bảo lãnh mua hàng ... khi Công ty có nhu cầu.

Kiểm tra việc thực hiện chính sách bán hàng chậm trả; khả năng thanh toán đúng hạn tiền nợ hàng bán; theo dõi và đề xuất biện pháp thu hồi nợ quá hạn, nợ khó đòi ...

Công tác chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo thực hiện theo đúng các qui định của Luật Kế toán, chế độ kế toán và các báo cáo kế toán theo đúng qui định của Nhà nước.

Công ty đặt mục tiêu bảo toàn nguồn vốn chủ sở hữu, nhu cầu vốn lưu động là 155 tỷ đồng, nhu cầu vốn vay là 83,2 tỷ đồng.



Hoạt động Hành chính – Nhân sự

Tiếp tục chấp hành nghiêm túc Nội quy, Quy chế làm việc của Công ty và các chính sách pháp luật của Nhà nước. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước.

Thực hiện trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động, trang phục bảo hộ lao động, trang phục văn phòng, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên;

Tiếp tục thực hiện tốt việc ban hành, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách của nhà nước đối với đơn vị, đối với toàn thể CB.CNV; Tham gia tốt công tác phúc lợi xã hội, hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào của Tỉnh và chính quyền địa phương phát động.

Ban Giám đốc cũng sẽ tiếp tục phối hợp với BCH Công đoàn chăm lo tốt đời sống vật chất, đời sống tinh thần cho người lao động. Tổ chức tặng quà cho CB.CNV nhân dịp lễ, tết nguyên đán; tổ chức cho con em CB.CNV vui chơi nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, tổ chức cho CB.CNV tham quan nghỉ dưỡng năm 2017 ...

Kết hợp với các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra công tác An toàn lao động - Vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy ... tổ chức các sân chơi lành mạnh nhằm tăng cường thể lực, tinh thần thoải mái để người lao động an tâm công tác.

Năm 2017, Công ty dự kiến tổng số lao động là 140 người, tổng quỹ lương là 8,7 tỷ đồng, thu nhập bình quân là 5,4 triệu đồng/người/tháng.



Về trách nhiệm với môi trường và xã hội



Ban giám đốc luôn đề cao vai trò của người lao động trong sự phát triển bền vững của Công ty. Ban Giám đốc cũng sẽ tiếp tục phối hợp với BCH Công đoàn chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Tổ chức tặng quà cho CB CNV nhân dịp Lễ, Tết Nguyên Đán; tổ chức cho con em CB.CNV vui chơi nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, tổ chức cho CB.CNV tham quan nghỉ dưỡng năm 2017 ...

Kết hợp với các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra công tác An toàn lao động - Vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy và tổ chức các sân chơi lành mạnh nhằm tăng cường thể lực, tinh thần thoải mái để người lao động an tâm công tác.

Tập thể cán bộ, công nhân viên luôn ý thức thực hiện trách nhiệm với môi trường. Thực hiện chỉ đạo từ Ban lãnh đạo, người lao động luôn tuân thủ những quy định về bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn sản xuất và phân phối đến khách hàng. Ngoài ra, Ban giám đốc chủ trương cung cấp cho khách hàng đầy đủ thông tin về sản phẩm bao gồm thông tin liên quan đến nguy cơ về môi trường. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo cũng khuyến khích tập thể người lao động thực hiện tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên thông qua việc sử dụng điện, nước, và các nguồn năng lượng khác một cách hợp lý.

Tham gia tốt công tác phúc lợi xã hội và hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào của chính quyền địa phương. Hỗ trợ kinh phí và tặng tập vở cho các trường học ở các xã vùng sâu, vùng xa. Hưởng ứng tốt công tác đóng góp Quỹ vì trẻ thơ, tháng hành động vì người nghèo, Quỹ tấm lòng vàng, Quỹ đền ơn đáp nghĩa ... Tiếp tục thực hiện các công tác an sinh xã hội khác để góp phần đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về các mặt hoạt động của Công ty

Về hoạt động của Ban Giám đốc

Kế hoạch & định hướng



Về các mặt hoạt động của Công ty

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban giám đốc và tập thể cán bộ công nhân viên đã nỗ lực thực hiện kế hoạch đặt ra. Tuy nhiên, năm 2016, tình hình kinh tế xã hội trong tỉnh Bến Tre gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể doanh thu Công ty chỉ đạt 94,90% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 97,16% kế hoạch.

Về hoạt động kinh doanh Vật liệu xây dựng

Nửa đầu năm 2016, hoạt động kinh doanh của Công ty gặp không ít khó khăn. Nguyên nhân là do giai đoạn đó thị trường vật liệu xây dựng đang đối mặt với tình trạng cung vượt cầu, đồng thời thiên tai hạn mặn ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống sản xuất và sinh hoạt trong tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, nửa cuối năm 2016, thị trường vật liệu xây dựng ấm lên, do nhu cầu xây dựng và tu sửa nhà ở để chuẩn bị đón Tết cổ truyền tăng lên. Công ty đã vượt con số kế hoạch 65,55 tỷ đồng đặt ra cho mảng kinh doanh Vật liệu xây dựng với doanh thu thực hiện đạt gần 79,68 tỷ đồng. Hoạt động này cũng đóng góp 2,01 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, vượt mức 811,95 triệu đồng trên kế hoạch.



Ưu điểm**- Công tác mua hàng:**

Để đạt được thành tích đó, Công ty đã có sự chuẩn bị bắt đầu từ công tác mua hàng. Kế hoạch mua, dự trữ hàng hóa được lập định kỳ và đột xuất theo từng thời điểm, từng nhu cầu của khách hàng, nhu cầu sử dụng nội bộ nên hàng hóa luôn đảm bảo về chủng loại, số lượng, chất lượng và sẵn sàng cung ứng cho thị trường, cho các hoạt động xây dựng, sản xuất ...; các chính sách chiết khấu, khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng ... của nhà sản xuất được thường xuyên cập nhật, theo dõi để có kế hoạch mua hàng nhằm đạt chỉ tiêu doanh số và được hưởng các chính sách từ nhà sản xuất.

Công tác mua hàng trong năm qua thực hiện khá tốt các chức năng của mình; giá trị mua vào thực hiện là 104,4 tỷ đồng - tăng 19% so với cùng kỳ và tăng 7% so với kế hoạch năm 2016, nhất là mặt hàng xi măng có sự tăng trưởng rất tốt (thực hiện đạt 52 ngàn tấn - tăng 36% so với cùng kỳ và tăng 9% so với kế hoạch năm 2016).

- Công tác bán hàng:

Công tác mở rộng thị trường được chú trọng: Trong năm đã mở rộng thêm trên 20 khách hàng đại lý, chú trọng phát triển nhóm khách hàng thi công công trình nhất là các công trình xã hội hóa như mùa hè xanh, giao thông nông thôn ... qua đó giá trị bán ra kinh doanh thực hiện đạt 79,6 tỷ đồng - tăng 38% so với cùng kỳ và tăng 22% so với kế hoạch năm 2016; về mặt sản lượng thì các mặt hàng chính đều có sự tăng trưởng trên 17% so với cùng kỳ và tăng trên 12% so với kế hoạch năm 2016.

Trong năm qua, hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng của Công ty cũng thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho lĩnh vực thi công, xây dựng, san lấp khi cung ứng kịp thời, đầy đủ các chủng loại vật tư cho hoạt động trên.

Hạn chế:

Các chính sách khuyến mãi, chiết khấu, quảng bá ... của các nhà sản xuất chưa phát huy hết tác dụng để kích thích thị trường nhằm tăng trưởng thị trường và thị phần; Sự cạnh tranh của các nhà phân phối trong và ngoài tỉnh nhằm chiếm lĩnh thị phần diễn ra ngày càng gay gắt và phức tạp trên tất cả các phân khúc và nhóm khách hàng (*đại lý, nhà dân, đơn vị thi công ...*).

Việc phải thực hiện đạt các chỉ tiêu về doanh số, sản lượng do nhà sản xuất đưa ra trong khi sức tiêu thụ của thị trường thì có giới hạn cũng là một áp lực mà đơn vị phải phấn đấu để hoàn thành trong năm qua.

Ngoài ra còn nguyên nhân chủ quan trong nội tại đơn vị là một số bộ phận chưa thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ như kỳ vọng, chưa theo kịp diễn biến thị trường và nhu cầu khách hàng, chưa thực hiện tốt công tác tham mưu, đề xuất các kế hoạch, biện pháp ... khi thị trường có sự biến động.

Đồng thời trong năm qua khâu quản lý, điều động, giám sát và phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các phòng và kho, cửa hàng, phương tiện, phân xưởng chưa thật chặt chẽ nên vẫn còn tình trạng khách hàng chưa hài lòng do hàng hóa giao không đúng với thời gian, số lượng hoặc tiến độ như



Về hoạt động thi công xây dựng & san lấp mặt bằng

Hoạt động thi công xây dựng, san lấp được định hướng là lĩnh vực kinh doanh chủ lực của Công ty. Tuy nhiên, kết thúc năm 2016, hoạt động thi công, xây dựng chỉ mang lại doanh thu hơn 119,64 tỷ đồng, đạt mức 84,25% kế hoạch nguyên nhân là do Công ty gặp không ít khó khăn từ môi trường kinh doanh:

Ảnh hưởng của Luật Đấu thầu, Nghị định hướng dẫn 63/2014/NĐ - CP và thông tư số 03/2015/TT - BKHĐT khiến cho Công ty không thể tham gia đấu thầu các công trình có giá trị dưới 5 tỷ, công trình có vốn ODA. Ngoài ra Công ty cũng gặp khó khăn về nhân sự khi thiếu nhân sự chủ chốt có trình độ chuyên môn phù hợp ... nên số lượng các công trình trong năm qua giảm, làm doanh thu của lĩnh vực thi công xây dựng giảm và tổng doanh thu của Công ty cũng giảm theo.

Trong năm qua thì sự biến đổi thời tiết, tình hình hạn hán, xâm ngập mặn ... đã ảnh hưởng đến tiến độ thi công (một số công trình phải tạm dừng thi công để đảm bảo an toàn do nước bị nhiễm mặn) và làm chậm tiến độ quyết toán theo kế hoạch đề ra.

Hạn chế

- Sự phối hợp giữa đội thi công, phòng kỹ thuật xây dựng, phòng kinh doanh và bộ phận giao nhận tại kho chưa thật sự nhịp nhàng, hợp lý ...
- Phòng kinh doanh đôi lúc còn bị động trong việc mua và giao hàng theo yêu cầu, chưa thực hiện tốt công tác chuẩn bị nguồn hàng kịp thời cho các công trình ở các huyện.
- Trong triển khai thi công các đội xây dựng còn chủ quan trong kiểm tra, thực hiện tiến độ theo cam kết; chưa chủ động phối hợp cùng các bên có liên quan để giải quyết những khó khăn, vướng mắc và còn trông chờ vào sự giải quyết của đơn vị. Ngoài ra, khi tình hình thị trường có sự biến động giá, thời tiết biến đổi bất thường ảnh hưởng đến tiến độ thi công ... chưa được các đội thực hiện tốt và kịp thời.
- Tiến độ quyết toán, giải ngân các công trình còn chậm do các bộ phận còn chủ quan, không thường xuyên bám sát, phối hợp với đơn vị giám sát, chủ đầu tư để kịp thời tháo gỡ những vấn đề thủ tục, giấy tờ có sai sót hoặc những yêu cầu khác phát sinh khi quyết toán.



Hoạt động sản xuất

Ưu điểm

Thực hiện theo đúng định hướng trên thì trong năm qua đã thực hiện khá tốt việc cung cấp các sản phẩm gạch nung, gạch terrazzo, tole & xà gồ cho hoạt động xây dựng luôn kịp thời, đúng số lượng và đạt chất lượng.

Trong sản xuất luôn thực hiện các biện pháp tiết kiệm nguyên vật liệu, chú trọng đến chất lượng sản phẩm xuất xưởng; đảm bảo thời gian giao hàng; xây dựng chính sách giá bán phù hợp với mặt bằng chung của thị trường.

Hạn chế:

Tuy nhiên trong năm qua vẫn còn tồn tại những khó khăn nên đã ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của hoạt động này.

Trong năm qua có nhiều sự biến động về giá cả, nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào không ổn định nhất là mặt hàng gạch nung; sự cạnh tranh gay gắt về giá bán của các đối thủ trong nhóm khách hàng nhà dân, về phương thức bán hàng ở nhóm khách hàng công trình ...

Trên thị trường xuất hiện những sản phẩm cùng phân khúc, cùng chủng loại nhưng giá cả

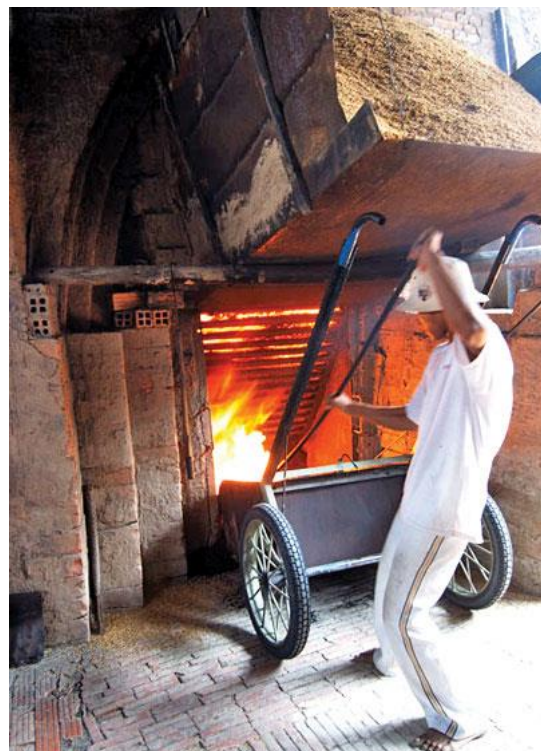
và chất lượng không rõ ràng ... cũng gây không ít khó khăn cho đơn vị trong thời gian qua.

Hoạt động vận tải hàng hóa

Đây chỉ là mảng kinh doanh phụ với vai trò chủ yếu là luân chuyển hàng hóa, hỗ trợ cho các hoạt động xây dựng, hoạt động kinh doanh, hoạt động sản xuất của Công ty. Nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động vận tải là thực hiện tốt chức năng luân chuyển hàng hóa hỗ trợ hoạt động kinh doanh VLXD, vận chuyển vật tư hỗ trợ hoạt động xây dựng và động sản xuất tại phân xưởng. Do vậy, đơn vị không đặt ra yêu cầu cao về lợi nhuận cho hoạt động này.

Nhìn chung các phương tiện đã thực hiện khá tốt chức năng của mình, các hàng hóa, vật tư được vận chuyển kịp thời giao đến nơi cho khách hàng; cung cấp đúng tiến độ, đúng số lượng cho các công trình nội bộ và phân xưởng sản xuất.

Thực hiện tốt việc chấp hành luật an toàn giao thông đường bộ, đường thủy và các phương tiện cơ giới luôn bảo đảm an toàn khi thi công tại công trường. Năm 2016 doanh thu hoạt động vận tải đạt mức 1,78 tỷ đồng, chỉ đạt 71,39% kế hoạch.



Hoạt động khai thác cát

Trong năm, doanh thu khai thác cát của Công ty đạt 8,42 tỷ đồng, bằng 84% so với năm 2015 và đạt 94% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế hoạt động này lại mang lại là 1,46 tỷ đồng, tăng 2,4 lần so với thực hiện năm 2015, vượt 2,5 lần so với kế hoạch năm 2016.

Ưu điểm

Công ty luôn tuân thủ khai thác theo tọa độ, biên giới khai trường, thời gian khai thác, sản lượng khai thác ... đúng theo giấy phép đã được cấp và tuân thủ đầy đủ các qui định về an toàn giao thông đường thủy nội địa tại khu vực khai thác, thả phao khu vực được phép khai thác đúng qui định.

Song song đó, Công ty cũng luôn thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước và chính quyền địa phương. Nộp đầy đủ các loại thuế, phí liên quan đến hoạt động khai thác cát, nộp đầy đủ tiền ký quỹ và tiền cấp quyền khai thác cát đúng theo qui định.

Thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo định kỳ tháng, quý, năm và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chức năng như báo cáo định kỳ hàng năm, báo cáo tiến độ khai thác, trữ lượng khai thác; báo cáo giám sát môi trường, sổ quan trắc bờ sông ...

Khó khăn:

Hoạt động san lấp mặt bằng trong và ngoài tỉnh nói chung đã có sự hồi phục nhưng vẫn còn hạn chế về mặt sản lượng tiêu thụ, số lượng các công trình san lấp được triển khai còn hạn chế và chậm.

Đơn vị cũng gặp bất lợi trong khâu tiêu thụ do giá thành cao hơn những đơn vị tư nhân, cá nhân khác khi chào giá cho các công trình (*đơn vị phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước như phí BVMT, thuế tài nguyên, tiền cấp quyền quyền khai thác, tiền ký quỹ BVMT, các chi phí khác... trong khi những đơn vị khác có thể lách luật để giảm chi phí, thậm chí khai thác trái phép*). Ngoài ra, do có sự bất lợi về giá thành khai thác nên một số công trình ở các huyện cách xa các mỏ cát thì đơn vị phải mua cát của đơn vị khác để thi công.

Sản lượng khai thác giảm, do đến tháng 8/2016 đơn vị chỉ còn được phép khai thác duy nhất 01 mỏ và đến cuối tháng 12/2016 mới được gia hạn thêm 02 mỏ.



Hoạt động tài chính – kế toán**Ưu điểm**

Việc luôn giữ uy tín, thanh toán các khoản lãi vay đúng hạn, hồ sơ chứng từ rõ ràng, minh bạch ... đã giúp củng cố tốt hơn mối quan hệ với các tổ chức tín dụng nên khi cần bổ sung nguồn vốn vay thì đơn vị có lợi thế về mức lãi suất áp dụng (thấp hơn mức lãi suất bình quân chung của thị trường), trong từng thời điểm vốn lưu động được bổ sung kịp thời từ nguồn vốn vay đã giúp đơn vị giải quyết các vấn đề về tài chính. Việc làm này không những đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh được diễn ra liên tục và ổn định mà còn giúp đơn vị đầu tư trang thiết bị, phương tiện vận tải mới nhằm làm giảm chi phí, nâng cao năng suất và đảm bảo luôn có đủ nguồn vật tư cung ứng cho các công trình xây dựng.

Công tác chuyên môn nghiệp vụ được thực hiện theo đúng các qui định của Luật Kế toán, chế độ kế toán và các báo cáo theo đúng qui định của Nhà nước.

Ban Giám đốc thường xuyên chỉ đạo các phòng, ban, bộ phận lập các kế hoạch mua vào, bán ra, kế hoạch sử dụng vật tư của các đội thi công, phân xưởng sản xuất v.v.. định kỳ và đột xuất tùy theo từng thời điểm và tình hình thị trường nên đã chủ động hơn trong việc sử dụng, bố trí nguồn vốn một cách hợp lý nhằm đảm bảo cho các lĩnh vực hoạt động không bị đình trệ do vấn đề vật tư hay vấn đề vốn.

Thường xuyên kiểm tra tình hình thanh toán và thu hồi tiền nợ hàng bán. Công tác này được tổ chức thực hiện một cách mềm dẻo và linh động theo từng nhóm khách hàng, từng thời điểm nhằm đảm bảo đạt mục đích là từng bước kéo giảm tình trạng chiếm dụng vốn của khách hàng nhưng không làm giảm sản lượng tiêu thụ, doanh thu thực hiện và không gây ra tác động tiêu cực đến thị phần của đơn vị.

Hạn chế:

Tình hình quyết toán, chậm giải ngân vốn các công trình xây dựng vẫn còn chậm đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính của đơn vị. Đồng thời còn gián tiếp ảnh hưởng do các khách hàng đối tác của đơn vị mua vật tư để thi công nhưng chưa được quyết toán nên chưa có nguồn tiền vào để thanh toán tiền hàng cho đơn vị.

Bên cạnh đó các hồ sơ thủ tục quyết toán thực hiện còn mất nhiều thời gian do nguyên nhân khách quan bên ngoài và cả nguyên nhân chủ quan bên trong nội bộ đơn vị cũng là một trong những nguyên nhân gây ra trình trạng chậm quyết toán và giải ngân trong thời gian qua.

Sự biến động giá cả nguyên vật liệu, việc áp dụng các chính sách chống phá giá hàng nhập khẩu ... khiến các nhà sản xuất, các nhà phân phối thắt chặt các điều khoản và thời hạn thanh toán qua hình thức mua hàng thanh toán trước khi nhận hàng hoặc rút ngắn thời hạn trả sau (*nếu trước đây mua hàng thanh toán trong vòng 45 ngày thì trong năm qua giảm xuống còn thanh toán trong vòng 15 ngày*).

Công tác thu hồi tiền nợ, kiểm tra, giám sát việc thu hồi tiền nợ hàng bán chưa được phối hợp thực hiện tốt; các bộ phận chưa chủ động nắm bắt tình hình tài chính của khách hàng, chưa báo cáo và đề xuất biện pháp xử lý kịp thời khi khách hàng thanh toán chậm, thanh toán chỉ một phần so với cam kết ban đầu do khó khăn về tài chính hoặc chủ quan tiếp tục giao hàng khi khách hàng chưa thanh toán nợ cũ.

Các áp lực về sản lượng tiêu thụ của nhà sản xuất, sự cạnh tranh chiếm lĩnh thị phần của các đối thủ đã dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt về giá bán buộc đơn vị phải giảm tỷ suất lợi nhuận bán hàng để giữ thị trường và thị phần.

Mặc dù có sự can thiệp của Nhà nước nhằm ổn định tình lãi suất cho vay, cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển. Tuy nhiên, lãi suất cho vay trong năm qua vẫn còn cao và gây không ít khó khăn cho đơn vị.



Về việc thực hiện trách nhiệm với môi trường, xã hội

Cân bằng lợi ích của cổ đông, người lao động và cộng đồng dân cư tại địa bàn hoạt động của Công ty là một trong những định hướng quan trọng của Hội đồng quản trị. Hàng năm, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đều đặt mục tiêu và kế hoạch thực hiện trách nhiệm xã hội của Công ty.

Công ty luôn nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động khai thác và đảm bảo các quy định bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất gạch.

Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng qui định của Nhà nước. Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động, trang phục bảo hộ lao động, trang phục văn phòng, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên. Ban Giám đốc cũng đã phối hợp với BCH Công đoàn chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Tổ chức tặng quà cho CB CNV nhân dịp lễ, tết nguyên đán; tổ chức cho con em cán bộ công nhân viên vui chơi tại khu du lịch Cần Giò, TP Hồ Chí Minh nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, tổ chức cho cán bộ công nhân viên tham quan nghỉ dưỡng tại Đà Lạt – Phan Thiết.

Thực hiện tốt việc ban hành, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách của nhà nước; Tham gia tốt công tác phúc lợi xã hội và hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào của Tỉnh và chính quyền địa phương phát động.

Kết hợp với các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra công tác An toàn lao động - Vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy và tổ chức các sân chơi lành mạnh nhằm tăng cường thể lực, tinh thần thoải mái để người lao động an tâm công tác.



Về hoạt động của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị trong năm 2016. Trong năm vừa qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều trở ngại từ môi trường tự nhiên cũng như là môi trường kinh tế - xã hội. Để đạt được kết quả kinh doanh khá tốt như vậy, các thành viên Ban giám đốc đã đặt nhiều nỗ lực, tâm huyết vào công tác điều hành và lãnh đạo tập thể cán bộ công nhân viên thực hiện kế hoạch kinh doanh.

Các thành viên trong Ban Giám đốc phối hợp chặt chẽ với nhau và với các phòng ban trong thực hiện các hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc cũng thường xuyên tuyên báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh cho Hội đồng quản trị, tham mưu ý kiến từ Hội đồng quản trị để giải quyết các vấn đề phát sinh. Sự phối hợp giữa Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra theo đúng định hướng và kế hoạch đã đặt ra.

Mặt khác, Ban Giám đốc cũng rất quan tâm đến công tác chăm lo đời sống của người lao động trong Công ty, duy trì lực lượng lao động ổn định cho Công ty. Ban Giám đốc cũng tích cực tham gia và khuyến khích người lao động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, hỗ trợ và đóng góp cho các hoạt động tình nguyện, hoạt động thiện nguyện.



Kế hoạch & định hướng

Theo dự báo của Bộ Xây dựng, đến năm 2020, nhu cầu của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đối với gạch không nung tăng gấp 2 lần so với năm 2015, dự kiến đạt đến 3,1 tỷ viên. Theo Định hướng phát triển ngành Vật liệu xây dựng đến năm 2020, phát triển gạch không nung thay thế gạch đất nung nhằm góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo vệ đất canh tác, tiết kiệm nhiên liệu và bảo vệ môi trường. Là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành, Công ty cũng đang từng bước cải tiến công nghệ sản xuất, hướng đến sản xuất gạch không nung. Hiện nay, Công ty chỉ sản xuất gạch nung cầm chừng nhằm tạo công ăn việc làm cho người lao động và cung cấp cho các công trình xây dựng đang sử dụng gạch nung truyền thống.

- Theo Quy hoạch phát triển ngành vật liệu xây dựng, Công ty sẽ tiến hành nghiên cứu một số loại sản phẩm gạch không nung phù hợp với nền địa chất yếu của vùng đồng bằng như gạch xi măng – đá mặt, gạch xi măng – tro xỉ nhiệt điện. Công ty sẽ lưu ý tận dụng nguồn nguyên liệu phế thải trong sản xuất để tiết kiệm chi phí và tránh lãng phí nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- Tập trung nguồn lực sản xuất gạch bê tông nhẹ, gạch bê tông tự chèn và gạch Terrazzo.
- Xây dựng thương hiệu gạch Terrazzo DONGKHOI trên thị trường tỉnh Bến Tre và một số địa phương lân cận.
- Tăng cường các hoạt động chăm sóc khách hàng nhằm duy trì mối quan hệ với khách hàng, hướng đến củng cố uy tín và vị thế của Công ty, tạo dựng lợi thế cạnh tranh so với các nhà phân phối vật liệu xây dựng khác trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
- Cải thiện năng lực dự báo thị trường vật liệu xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả quản trị hàng tồn kho, và hiệu quả sử dụng vốn trong các hoạt động kinh doanh



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Thù lao và các giao dịch



Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng Cp sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ông Phan Quốc Thông	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	67.565	1,67
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	-	-
Bà Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Phan Trọng Tài	Thành viên HĐQT	135.348	3,34
Ông Lê Đình Nhiên	Thành viên HĐQT	57.937	1,43



Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

Ông Phan Quốc Thông – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Đã đề cập đến ở Phần II.

Ông Nguyễn Thanh Huy – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc

Đã đề cập đến ở Phần II.

Bà Mai Thị Thanh Thủy – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1981
Tổng số cổ phiếu nắm giữ	769.311 cổ phiếu, chiếm 18,9% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	769.311 cổ phiếu, chiếm 18,9% vốn điều lệ
Sở hữu cá nhân	0 cổ phiếu

Ông Phan Trọng Tài – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1959
Tổng số cổ phiếu nắm giữ	135.348 cổ phiếu, chiếm 3,3% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	0 cổ phiếu
Sở hữu cá nhân	135.348 cổ phiếu, chiếm 3,3% vốn điều lệ

Ông Lê Đình Nhiên – Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1962
Tổng số cổ phiếu nắm giữ	57.937 cổ phiếu, chiếm 1,4% vốn điều lệ
Đại diện sở hữu	0 cổ phiếu
Sở hữu cá nhân	57.937 cổ phiếu, chiếm 1,4% vốn điều lệ

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện nay, Hội đồng quản trị không có tiểu ban trực thuộc.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2016 Hội đồng quản trị Công ty tổ chức 4 cuộc họp với tỷ lệ dự họp gần như là 100% trong các buổi họp, chỉ có duy nhất 1 lần ông Phan Trọng Tài vắng mặt do đi công tác nước ngoài.

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Ông Phan Quốc Thông	Chủ tịch HĐQT	01/09/2004	04	100%	
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên HĐQT	01/01/2013	04	100%	
Bà Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	01/01/2013	04	100%	
Ông Phan Trọng Tài	Thành viên HĐQT	29/04/2010	03	75%	Đi công tác nước ngoài
Ông Lê Đình Nhiên	Thành viên HĐQT	01/09/2004	04	100%	

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2016/NQ-HĐQT	11/4/2016	Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 Thông qua kế hoạch đơn giá tiền lương năm 2016
2	02/2016/NQ-HĐQT	07/6/2016	Ký hợp đồng kiểm toán với Cty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của công ty
3	03/2016/NQ-HĐQT	31/12/2016	Chi thù lao HĐQT, BKS năm 2016

Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Ông Võ Bá Trắc	Trưởng ban	9.800	0,24
Ông Huỳnh Hữu Phúc	Thành viên	14.370	0,35
Ông Lê Xuân Lâm	Thành viên	28.968	0,72

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Ông Võ Bá Trắc	Trưởng ban	01/01/2013	04	100%	
Ông Huỳnh Hữu Phúc	Thành viên	01/09/2004	04	100%	
Ông Lê Xuân Lâm	Thành viên	01/09/2004	04	100%	

Năm 2016, Ban Kiểm soát tổ chức 4 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên, đạt tỷ lệ 100% trong mỗi buổi họp.

Năm 2016 Ban Kiểm soát đã làm đúng chức năng nhiệm vụ của mình, thường xuyên kiểm tra giám sát công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, kiểm tra báo cáo tài chính hàng quý, năm. Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, cũng như không nhận bất cứ ý kiến khiếu nại nào của cổ đông.

Ban Kiểm soát luôn phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, kịp thời chỉ đạo Ban Giám đốc duy trì tình hình tài chính lành mạnh, nhằm phát huy tối đa hiệu quả đồng vốn đầu tư của các cổ đông.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Thù lao/năm (Đồng)
Ông Phan Quốc Thông	Chủ tịch HĐQT	25.567.920
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên HĐQT	19.175.940
Bà Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	19.175.940
Ông Phan Trọng Tài	Thành viên HĐQT	19.175.940
Ông Lê Đình Nhiên	Thành viên HĐQT	19.175.940
Ông Võ Bá Trắc	Trưởng Ban Kiểm soát	19.175.940
Ông Huỳnh Hữu Phúc	Thành viên Ban Kiểm soát	12.783.980
Ông Lê Xuân Lâm	Thành viên Ban Kiểm soát	12.783.980

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm, Cổ đông nội bộ Công ty không thực hiện bất cứ giao dịch cổ phiếu nào



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính



Ý kiến kiểm toán

Số: 2170/17/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính đính kèm bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 27 tháng 3 năm 2017 (từ trang 07 đến trang 36) của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty").

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết, để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Ths. Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm số 1523-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Ths. Đào Vũ Thiên Long - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số 1739-2013-071-1

Nơi nhận:

- *Như trên.*
- *Lưu VIETVALUES.*



Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		143.798.593.360	133.131.703.225
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	8.661.217.172	7.465.837.880
111	1. Tiền		8.661.217.172	7.465.837.880
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		118.536.655.131	108.075.141.063
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	107.275.451.368	102.459.161.230
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	1.196.338.942	1.750.295.148
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	10.569.885.381	4.470.705.245
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.5	(505.020.560)	(605.020.560)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	16.600.721.057	17.590.724.282
141	1. Hàng tồn kho		16.600.721.057	17.590.724.282
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		50.036.575.862	43.176.705.308
210	1. Các khoản phải thu dài hạn		1.602.886.308	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4b	1.602.886.308	-
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		15.961.477.367	15.732.758.720
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	15.125.682.764	14.896.964.117
222	- Nguyên giá		29.396.962.456	29.051.375.970
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.271.279.692)	(14.154.411.853)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	835.794.603	835.794.603
228	- Nguyên giá		835.794.603	835.794.603
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư	V.10	13.848.002.964	13.848.002.964
231	- Nguyên giá		13.848.002.964	13.848.002.964
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		12.705.301.333	12.348.175.590
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.11	12.023.671.015	11.943.766.045
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	681.630.318	404.409.545
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.918.907.890	1.247.768.034
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7	5.918.907.890	1.247.768.034
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		193.835.169.222	176.308.408.533



Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		128.944.373.978	111.593.851.699
310	1. Nợ ngắn hạn		126.750.573.978	109.639.451.699
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	18.264.210.534	8.126.090.066
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	16.948.752.454	3.473.051.241
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	3.077.478.234	5.079.512.562
314	4. Phải trả người lao động	V.16	1.340.310.182	1.478.522.222
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	4.537.263.950	4.537.263.950
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	8.190.981.945	13.211.709.708
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	74.332.058.599	73.662.864.529
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	59.518.080	70.437.421
330	II. Nợ dài hạn		2.193.800.000	1.954.400.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	2.193.800.000	1.954.400.000
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		64.890.795.244	64.714.556.834
410	1. Vốn chủ sở hữu	V.21	64.890.795.244	64.714.556.834
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		40.490.060.000	40.490.060.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.490.060.000	40.490.060.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.067.762.000	4.067.762.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		14.152.369.189	14.152.369.189
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.180.604.055	6.004.365.645
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		99.442.786	273.787.349
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		6.081.161.269	5.730.578.296
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		193.835.169.222	176.308.408.533

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2017.

NGUYỄN THỊ KIM THỊ

PHAN TẢN MỸ

PHAN QUỐC THÔNG



Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		128.944.373.978	111.593.851.699
310	1. Nợ ngắn hạn		126.750.573.978	109.639.451.699
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	18.264.210.534	8.126.090.066
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	16.948.752.454	3.473.051.241
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	3.077.478.234	5.079.512.562
314	4. Phải trả người lao động	V.16	1.340.310.182	1.478.522.222
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	4.537.263.950	4.537.263.950
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	8.190.981.945	13.211.709.708
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	74.332.058.599	73.662.864.529
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	59.518.080	70.437.421
330	II. Nợ dài hạn		2.193.800.000	1.954.400.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	2.193.800.000	1.954.400.000
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		64.890.795.244	64.714.556.834
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	64.890.795.244	64.714.556.834
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		40.490.060.000	40.490.060.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.490.060.000	40.490.060.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.067.762.000	4.067.762.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		14.152.369.189	14.152.369.189
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.180.604.055	6.004.565.645
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		99.442.786	273.787.349
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		6.081.161.269	5.730.578.296
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		193.835.169.222	176.308.408.533

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng

PHAN TÂN MỸ

Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2017.



PHAN QUỐC THÔNG



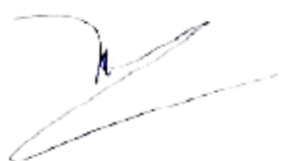
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	213.587.995.243	206.466.844.574
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		213.587.995.243	206.466.844.574
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	192.458.003.145	185.557.956.303
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.129.992.098	20.908.888.271
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	43.067.981	146.957.407
22	7. Chi phí tài chính		6.080.934.783	5.171.059.064
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		6.080.934.783	5.171.059.064
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	4.557.743.985	3.829.742.012
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	7.245.873.493	6.428.665.035
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.288.507.818	5.626.379.567
31	11. Thu nhập khác	VI.6	4.633.931.794	2.420.877.086
32	12. Chi phí khác		41.734.721	522.570.472
40	13. Lợi nhuận khác		4.592.197.073	1.898.306.614
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.880.704.891	7.524.686.181
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.7	1.584.487.922	1.687.880.960
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.296.216.969	5.836.805.221
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8a	1.216	1.132
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8b	1.216	1.132

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng



PHAN TÂN MỸ

Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2017.



PHAN QUỐC THÔNG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

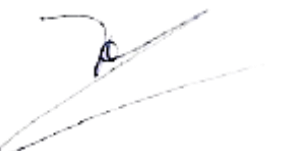
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

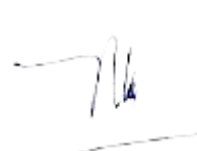
ĐVT: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		243.227.346.868	211.666.268.778
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(158.030.372.622)	(139.223.969.120)
03	3. Tiền trả cho người lao động		(7.048.441.300)	(7.572.228.183)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(6.080.934.783)	(5.171.059.064)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.067.068.689)	(2.641.254.700)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		12.078.208.404	1.009.166.365
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(76.945.868.765)	(56.752.428.201)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>5.132.869.113</i>	<i>1.314.495.875</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(124.419.200)	(4.764.029.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	50.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.207.989	82.800.563
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(109.211.211)</i>	<i>(4.631.228.437)</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		122.733.209.320	112.536.389.537
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(121.824.615.250)	(105.873.169.025)
35	5. Tiền trả nợ thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.736.872.680)	(5.923.513.350)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(3.828.278.610)</i>	<i>739.707.162</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>		<i>1.195.379.292</i>	<i>(2.577.025.400)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		7.465.837.880	10.042.863.280
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	8.661.217.172	7.465.837.880

Người lập biểu

Kế toán trưởng





NGUYỄN THỊ KIM THI

PHAN TÂN MỸ



PHAN QUỐC THÔNG



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được (sau đây gọi tắt là “Công ty”) Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất – Thương mại – Xây dựng – Kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh vật liệu xây dựng, khai thác cát, san lấp mặt bằng, vận tải hàng hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 126 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 128 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.
- Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
 - Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
 - Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý Công ty.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 20 năm
Máy móc và thiết bị	04 – 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04 năm
Tài sản cố định khác	06 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.



theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan



đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm chủ yếu là bán xi măng, đá, sắt

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.



vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Số liệu so sánh

Trình bày lại chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước do có sự thay đổi tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng Phúc lợi theo Nghị Quyết đại Hội đồng cổ đông: 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2016.

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Kết quả kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.229	(97)	1.132



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.266.965.460	1.114.997.035
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.394.251.712	6.350.840.845
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	8.661.217.172	7.465.837.880

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>107.275.451.368</i>	<i>102.459.161.230</i>
Công An tỉnh Bến Tre- Phòng Hậu Cần	25.451.044.599	28.345.785.398
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Thành phố Bến Tre	21.049.261.349	22.393.862.805
Ban Quản lý Dự án Thanh Phú	6.866.447.056	8.245.021.936
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp	4.408.818.928	6.058.211.172
Các khách hàng khác	49.499.879.436	37.416.279.919
Cộng	107.275.451.368	102.459.161.230

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước tổ chức nhà cung cấp khác</i>	<i>1.196.338.942</i>	<i>1.750.295.148</i>
Nguyễn Thị Như Quỳnh	500.000.000	-
CN Công ty 4 Oranges Co.,Ltd	181.245.243	-
Công ty TNHH Kiến trúc Alpha	160.950.000	96.570.000
Các nhà cung cấp khác	354.143.699	1.653.725.148
Cộng	1.196.338.942	1.750.295.148



4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	10.569.885.381	-	4.470.705.245	-
Lê Hoàng Thanh- Đội xây dựng số 1	3.361.179.558	-	2.165.538.802	-
Nguyễn Tiến Tài	1.799.475.421	-	-	-
Lê Hoàng Dũng- Đội xây dựng 4	1.246.248.357	-	993.049.853	-
Xi măng Hà Tiên	1.166.225.635	-	-	-
Trần Trung Trự- Đội xây dựng số 5	1.076.917.621	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.919.838.789	-	1.312.116.590	-
Cộng	10.569.885.381	-	4.470.705.245	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường cát.

5. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Quá hạn từ 06 tháng – 01 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 01 năm – 02 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 02 năm – 03 năm	-	-	-	-
Quá hạn trên 03 năm	505.020.560	-	605.020.560	-
Công ty TNHH XD Đại Gia Phú	183.835.590	-	183.835.590	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	69.854.670	-	169.854.670	-
Nguyễn Văn Phong	145.071.100	-	145.071.100	-
Nguyễn Thị Thủy	65.894.380	-	65.894.380	-
DNTN Xây dựng Chi Trung	25.843.820	-	25.843.820	-
Công ty PT và Xây dựng Nhà Cừu Long	14.521.000	-	14.521.000	-
	505.020.560	-	605.020.560	-



Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(605.020.560)	-	(605.020.560)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	100.000.000	-	100.000.000
Số cuối năm	(505.020.560)	-	(505.020.560)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.312.389.726	-	1.293.519.022	-
Công cụ, dụng cụ	10.912.669	-	34.686.911	-
Chi phí SXKD dở dang	10.216.921.361	-	11.422.934.708	-
Thành phẩm	550.502.597	-	788.616.606	-
Hàng hóa	4.509.994.704	-	4.050.967.035	-
Cộng	16.600.721.056	-	17.590.724.282	-

Chi phí sản xuất dở dang chủ yếu là chi phí xây dựng các khu tái định cư

Chi tiết :	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu tái định cư Mỹ Thạnh An	6.566.928.434	7.600.137.151
Các công trình khác	3.649.992.927	3.822.797.557
Cộng	10.216.921.361	11.422.934.708

Hàng tồn kho của Công ty đã được thế chấp làm tài sản đảm bảo vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre (xem Thuyết minh V.19)

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí công thăm dò khai thác cát và chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào chi phí không quá 36 tháng

Chi tiết:	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.247.768.034	721.804.617
Tăng trong năm	8.067.630.328	1.639.714.978
Phân bổ trong năm	(3.396.490.472)	(1.113.751.561)
Số cuối năm	5.918.907.890	1.247.768.034



8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	7.662.022.661	4.066.072.692	16.816.514.735	191.702.728	315.063.154	29.051.375.970
Đầu tư XDCH hoàn thành	-	227.457.242	2.773.804.090	-	-	3.001.261.332
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.655.674.846)	-	-	(2.655.674.846)
Số cuối năm	7.662.022.661	4.293.529.934	16.934.643.979	191.702.728	315.063.154	29.396.962.456
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.787.672.057	3.401.280.805	7.576.683.413	76.586.719	312.188.859	14.154.411.853
Khấu hao trong năm	409.340.000	328.426.314	1.798.482.188	22.932.500	2.874.295	2.562.055.297
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.445.187.458)	-	-	(2.445.187.458)
Số cuối năm	3.197.012.057	3.729.707.119	6.929.978.143	99.519.219	315.063.154	14.271.279.692
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	4.874.350.604	664.791.887	9.239.831.322	115.116.009	2.874.295	14.896.964.117
Số cuối năm	4.465.010.604	563.822.815	10.004.665.836	92.183.509	-	15.125.682.764

Trong đó: - Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.654.322.179 đồng

- Giá trị còn lại tài sản cố định được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền: 10.514.843.251 đồng (xem tại thuyết minh mục V.19)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất ^(*)	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	835.794.603	835.794.603
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	835.794.603	835.794.603
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	835.794.603	835.794.603
Số cuối năm	835.794.603	835.794.603

(*) Là Quyền sử dụng đất sử dụng lâu dài theo GCN quyền sử dụng đất số: CT 00905 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 26 tháng 06 năm 2012 tại số 12 đường Số 1, ấp An



Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (đất này đang được sử dụng làm trụ sở hoạt động của Công ty). Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đông Á-CN Bến Tre (xem tại thuyết minh mục V.19)

10. Bất động sản đầu tư

10a. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Thạnh An	Quyền sử dụng đất tại xã Phú Nhuận	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Mua mới	-	-	-
Số cuối năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Tồn thất do suy giảm giá trị			
Số đầu năm	-	-	-
Tồn thất do giảm giá trị trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Chuyển sang hàng tồn kho	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Số cuối năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964

- Giá trị còn lại Bất động sản đầu tư được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Bến Tre với số tiền: 4.948.115.562 đồng (xem tại thuyết minh mục V.19)

- Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Hiện tại, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện thực hiện. Vì vậy, Công ty tạm lấy theo giá trị sổ sách.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Là chi phí dự án Khu tái định cư Phú Tân. Công ty đã trình Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre số 102/TTTr-VLXD ngày 14 tháng 09 năm 2015 về việc xem xét phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu tái định cư Phú Tân, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre.

Toàn bộ dự án này đã được thế chấp làm tài sản đảm bảo vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Bến Tre (xem Thuyết minh V.19)



12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	404.409.545	2.853.056.787	(2.898.511.332)	358.955.000
Xây dựng cơ bản	-	322.675.318	-	322.675.318
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	102.750.000	(102.750.000)	-
Cộng	404.409.545	3.278.482.105	(3.001.261.332)	681.630.318

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>18.264.210.534</i>	<i>8.126.090.066</i>
Công ty TNHH MTV Tấn Thiện	2.522.232.000	-
Công ty TNHH MTV XDCT Tuyết Ngân	2.268.658.025	856.314.075
Công ty TNHH Thép Bình Nguyên	1.758.172.524	998.917.019
Các nhà cung cấp khác	11.715.147.985	6.270.858.972
Cộng	18.264.210.534	8.126.090.066

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>16.854.192.454</i>	<i>3.473.051.241</i>
Ban QLDA ĐTXD các CT DD & CN tỉnh BT	6.916.316.000	-
Ban QLDA Mỏ Cây Nam	3.903.346.000	-
Sở Lao Động và Thương Binh XII tỉnh Bến tre	2.794.925.118	-
Các khách hàng khác	3.239.605.336	3.473.051.241
Cộng	16.854.192.454	3.473.051.241





15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	3.889.434.811	7.621.906.928	(6.267.161.327)	-	2.534.689.210
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	844.951.241	1.584.487.922	(2.067.068.689)	-	362.370.474
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.296.510	151.588.512	(152.466.472)	-	5.418.550
Thuế tài nguyên	-	120.230.000	1.071.714.400	(1.116.944.400)	-	75.000.000
Tiền thuế đất	-	-	315.058.607	(315.058.607)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	218.600.000	1.685.136.000	(1.803.736.000)	-	100.000.000
Cộng	-	5.079.512.562	12.429.892.375	(11.722.435.495)	-	3.077.478.234

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình với mức thuế suất 11%.

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác cát với mức phí phải nộp là 4.000 đồng/m³

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Quỹ lương của Công ty được thực hiện tạm trích theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 01/2015/QĐ-HĐQT ngày 03 tháng 04 năm 2015. Cụ thể, Công ty đã tạm trích chi phí lương trong kỳ theo đơn giá tiền lương 394 đồng/1000 lợi nhuận trước thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí xây dựng nhà máy nước thải thuộc dự án Khu dân cư Mỹ Thanh An.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>8.190.981.945</i>	<i>13.211.709.708</i>
Nguyễn Hoài Yến – Đội xây dựng số 2	3.586.382.412	6.681.211.716
Phạm Hoàng Nhân	1.164.646.361	-
Lê Văn Trung – Đội xây dựng số 6	416.805.332	3.020.022.786
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.023.147.840	3.510.475.206
Cộng	8.190.981.945	13.211.709.708

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁶⁾	73.619.458.599	73.619.458.599	70.998.966.490	70.998.966.490
Vay Ngân hàng TMCP Đông Á – CN Bến Tre	-	-	765.400.000	765.400.000
Vay Ngân hàng Bưu điện Liên Việt – CN Bến Tre	-	-	1.409.898.039	1.409.898.039
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	712.600.000	712.600.000	488.600.000	488.600.000
Cộng	74.332.058.599	74.332.058.599	73.662.864.529	73.662.864.529

⁶⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre theo hợp đồng hạn mức số 01/2015/670816/HĐTD ngày 04 tháng 05 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc

Thế chấp, cầm cố tài sản, không bảo đảm một phần. Theo giá trị định giá của Ngân hàng như sau :

- + Tài sản cố định: 9.753.000.000 đồng.
- + Vật tư tồn kho bình quân: 36.000.000.000 đồng.
- + Giá trị quyền sử dụng đất tại Phú Nhuận theo định giá của Ngân hàng: 8.145.000.000 đồng. (xem thuyết minh số V.8 và thuyết minh V.10).



Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	73.662.864.529	68.954.044.017
Số tiền vay phát sinh	121.613.209.320	110.093.389.537
Kết chuyển từ vay dài hạn	712.600.000	488.600.000
Số tiền vay đã trả	(121.656.615.250)	(105.873.169.025)
Số cuối năm	74.332.058.599	73.662.864.529

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng				
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre	2.193.800.000	2.193.800.000	1.954.400.000	1.954.400.000
Cộng	2.193.800.000	2.193.800.000	1.954.400.000	1.954.400.000

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre theo hợp vay số 01/2015/670816 ngày 26 tháng 10 năm 2015 và hợp đồng vay số 01/2016/670816/HĐTD.

Mục đích vay: Đầu tư mua 3 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu HINO phục vụ hoạt động kinh doanh

Thời hạn vay: 05 năm

Lãi suất cho vay: lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo định kỳ 2 lần/ 1 năm vào các ngày 1/5, 1/11 trên cơ sở số dư nợ vay và lãi suất cho vay hiện hành theo thông báo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh

Tài sản thế chấp: Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai là xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu HINO theo hợp đồng thế chấp TS số 01/2015/670816/HĐBĐ ngày 26 tháng 10 năm 2015.

Chi tiết phát sinh các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.954.400.000	-
Số tiền vay phát sinh	1.120.000.000	2.443.000.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(712.600.000)	(488.600.000)
Số tiền vay đã trả	(168.000.000)	-
Số cuối năm	2.193.800.000	1.954.400.000



20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	49.295.410	96.115.659	-	(145.411.069)	-
Quỹ phúc lợi	21.142.011	1.050.000.000	39.331.069	(1.050.955.000)	59.518.080
Cộng	70.437.421	1.146.115.659	39.331.069	(1.196.366.069)	59.518.080

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	40.490.060.000	4.067.762.000	13.116.089.803	8.778.924.967	66.452.836.770
-Tăng từ lãi năm trước	-	-	1.036.279.386	5.836.805.221	6.873.084.607
-Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	(8.611.364.543)	(8.611.364.543)
Số dư cuối năm trước	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	6.004.365.645	64.714.556.834
Số dư đầu năm nay	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	6.004.365.645	64.714.556.834
-Tăng từ lãi trong năm	-	-	-	6.296.216.969	6.296.216.969
-Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	(6.119.978.559)	(6.119.978.559)
Số dư cuối năm	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	6.180.604.055	64.890.795.244

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Cổ đông nhà nước	20.146.260.000	49,76	20.146.260.000	-
Cổ đông khác	20.343.800.000	50,24	20.343.800.000	-
Cộng	40.490.060.000	100	40.490.060.000	-

Đại diện cho phần vốn cổ đông Nhà nước là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).



21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.049.006	4.049.006
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.049.006	4.049.006
Cổ phiếu phổ thông	4.049.006	4.049.006
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.049.006	4.049.006
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP.		

21d. Mục đích trích lập các quỹ của doanh nghiệp

- *Quỹ đầu tư phát triển được dùng:*
 - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ khó đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
 - + Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu;
 - + Bổ sung vốn điều lệ cho Công ty;
 - + Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.
- *Quỹ khen thưởng được dùng để*
 - + Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỷ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;
 - + Thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể trong Công ty;
 - + Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.
- *Quỹ phúc lợi được dùng để:*
 - + Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
 - + Chi cho các hoạt động phúc lợi cộng đồng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;
 - + Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
 - + Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.



21e. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2015/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2016 như sau:

Số dư đầu năm ⁽¹⁾	6.004.365.645
Tăng từ lợi nhuận sau thuế 2016 ⁽²⁾	6.296.216.969
Phân phối trong năm ⁽³⁾	(6.119.978.559)
Chia cổ tức cho các cổ đông	(4.858.807.200)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.146.115.659)
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	(115.055.700)
Số dư cuối năm ⁽⁴⁾⁼⁽¹⁾⁺⁽²⁾⁻⁽³⁾	6.180.604.055

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.

Nợ khó đòi đã xử lý

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	115.373.600	115.373.600
Nợ khó đòi đã xử lý trong năm	-	-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được	-	-
Số cuối năm	115.373.600	115.373.600
Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Y&D	45.400.000	45.400.000
Công ty TNHH Xây dựng Thành Thịnh	33.945.000	33.945.000
Trần Kiêm Khánh	14.220.300	14.220.300
Các khách hàng khác	21.808.300	21.808.300
Cộng	115.373.600	115.373.600



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hàng hóa	79.631.070.514	57.707.424.734
Doanh thu thành phẩm	11.416.632.278	12.080.484.206
Doanh thu san lấp	4.519.430.909	1.819.250.635
Doanh thu vận tải	1.784.650.414	2.314.534.910
Doanh thu xây dựng các công trình	115.118.810.910	128.292.975.924
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.099.582.581	4.240.760.164
Doanh thu gạch bê tông tự chèn TP	15.272.182	11.414.001
Doanh thu khác	2.545.455	-
Cộng	213.587.995.243	206.466.844.574

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	70.147.924.189	54.528.244.090
Giá vốn của thành phẩm đã bán	11.440.263.918	10.017.370.241
Giá vốn san lấp	3.989.117.361	1.691.489.331
Giá vốn vận tải	1.920.620.921	1.384.395.833
Giá vốn xây dựng các công trình	103.911.164.457	114.284.458.813
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.033.208.717	3.651.038.273
Giá vốn gạch bê tông tự chèn TP	13.696.112	959.722
Giá vốn khác	2.007.470	-
Cộng	192.458.003.145	185.557.956.303

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.877.866	82.800.563
Doanh thu khác	32.190.115	64.156.844
Cộng	43.067.981	146.957.407



4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	2.121.681.410	1.976.020.684
Chi phí vật liệu, bao bì	377.101.854	625.715.333
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	43.109.900	147.429.196
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.381.500	24.463.977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.091.992.643	743.804.548
Chi phí bằng tiền khác	900.476.678	312.308.274
Cộng	4.557.743.985	3.829.742.012

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.259.846.290	2.518.821.846
Chi nguyên vật liệu	590.280.464	547.828.254
Khấu hao tài sản cố định	465.582.319	469.971.330
Thuế, phí và lệ phí	112.150.000	77.547.592
Chi phí dự phòng	-	257.770.198
Hoàn nhập dự phòng	(100.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.226.325.692	1.540.932.232
Chi phí bằng tiền khác	1.691.688.728	1.015.793.583
Cộng	7.245.873.493	6.428.665.035

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thương doanh số	2.043.756.430	-
Thu từ thanh lý TSCĐ	914.058.065	790.419.326
Chiết khấu mua hàng	187.925.216	364.375.832
Thuê kho	72.000.000	209.236.364
Khác	1.416.192.083	1.056.845.564
Cộng	4.633.931.794	2.420.877.086



7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.880.704.891	7.524.686.181
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	41.734.721	147.500.000
Các khoản điều chỉnh giảm	41.734.721	147.500.000
Thu nhập chịu thuế	7.922.439.612	7.672.186.181
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	7.922.439.612	7.672.186.181
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.584.487.922	1.687.880.960

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.296.216.969	5.836.805.221
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.259.243.399)	(1.146.115.659)
Thù lao HĐQT, BKS	(115.055.700)	(106.226.925)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.921.917.875	4.584.462.637
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	4.049.006	4.049.006
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.216	1.132

(*) Công ty căn cứ vào Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2016 để thực hiện tạm tính số Quỹ khen thưởng phúc lợi cần trích từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016.

8b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.921.917.875	4.584.462.637
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.921.917.875	4.584.462.637
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.049.006	4.049.006
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.216	1.132



9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.661.494.546	101.615.520.608
Chi phí nhân công	34.781.729.181	36.026.920.138
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.557.816.002	2.605.092.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.397.196.004	13.620.758.707
Chi phí khác	2.969.690.356	5.432.085.907
Cộng	154.367.926.089	159.300.378.165

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Không phát sinh

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Không phát sinh

3. Tiền thu từ đi vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	122.733.209.320	112.536.389.537
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	-
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	122.733.209.320	112.536.389.537

4. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(121.824.615.250)	105.873.169.025
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	-
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	(121.824.615.250)	105.873.169.025

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT:VNĐ)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.



3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	761.329.800	670.320.000
Tiền thù lao	159.799.560	147.536.923
Cổ tức	-	346.440.300
Cộng	<u>921.129.360</u>	<u>1.164.297.223</u>

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm nay				
Chi tiêu	Hoạt động kinh doanh hàng hóa và thành phẩm	Hoạt động xây dựng và kinh doanh Bất động sản	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.047.702.792	116.218.393.491	6.321.898.960	213.587.995.243
Giá vốn hàng bán	81.588.188.107	104.944.373.174	5.925.441.864	192.458.003.145
Lãi gộp	9.459.514.685	11.274.020.317	396.457.096	21.129.992.098
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	69.799.322.941	132.533.736.088	4.133.785.545	206.466.844.574
Giá vốn hàng bán	64.546.574.053	117.935.497.086	3.075.885.164	185.557.956.303
Lãi gộp	5.252.748.888	14.598.239.002	1.057.900.381	20.908.888.271

Năm trước

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.



5. Tài sản đảm bảo*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty đã thế chấp các tài sản để đảm bảo cho các khoản vay gồm : Giá trị tài sản cố định, vật tư tồn kho bình quân và giá trị Quyền sử dụng đất tại Phú Nhuận được Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre định giá để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18). Giá trị còn lại của các tài sản thế chấp này tại ngày kết thúc năm tài chính là 16.298.753.416 đồng.

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7. Khả năng hoạt động liên tục

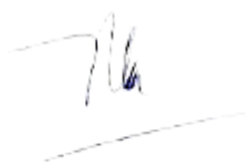
Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


NGUYỄN THỊ KIM THI

PHAN TÂN MỸ

PHAN QUỐC THÔNG



Bến Tre, ngày 19 tháng 04 năm 2017

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

 **GIÁM ĐỐC**
Phan Quốc Thông

